

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2025



EVN PECC3

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

TP. Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2026



MỤC LỤC

I.	Thông tin chung.....	3
1.	Thông tin khái quát	3
2.	Quá trình hình thành và phát triển	3
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
4.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	7
5.	Định hướng phát triển	9
6.	Các rủi ro.....	10
II.	Tình hình hoạt động trong năm.....	11
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	11
2.	Tổ chức và nhân sự	13
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	17
4.	Tình hình tài chính	17
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	18
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.....	19
III.	Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc.....	23
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	23
2.	Tình hình tài chính	24
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	26
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai	27
5.	Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	31
6.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.....	31
IV.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	31
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	31
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc	32
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	32
V.	Quản trị Công ty	33
1.	Hội đồng quản trị	33
2.	Ban kiểm soát.....	44
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát	45
VI.	Báo cáo tài chính.....	46
1.	Ý kiến của Kiểm toán viên.....	46
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	46
	Phụ lục. Hợp đồng, giao dịch với người nội bộ	

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301475102 cấp lần đầu ngày 17/11/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 16, ngày 26/8/2025.
- Vốn điều lệ: 95.173.030.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 95.173.030.000 đồng.
- Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 028.22211169
- Số fax: 028.39307938
- Website: www.pecc3.com.vn
- Mã cổ phiếu: TV3

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là Phòng Thiết kế điện trực thuộc Công ty Điện lực miền Nam (1975). Do nhu cầu phát triển nguồn và lưới điện nên ngày 13/02/1979 Bộ Điện và Than đã có Quyết định số: 04/ĐT/TCCB thành lập Phân viện Qui hoạch và thiết kế điện, thay thế cho Phòng Thiết kế điện của Công ty Điện lực miền Nam. Đến ngày 07/5/1986 Bộ Điện Lực có Quyết định số: 128/ĐL/TCCB cho đổi tên Phân viện Qui hoạch và thiết kế điện thành Trung tâm Năng lượng trực thuộc Công ty Điện lực 2 (tên mới của Công ty Điện lực miền Nam).
- Năm 1995, ngay sau khi thành lập Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Trung tâm Năng lượng được tách từ Công ty Điện lực 2 chuyển về trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam theo Quyết định số: 429/ĐVN-TCCB-LĐ ngày 24/6/1995.
- Ngày 07/4/1999 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã có Quyết định số: 17/1999/QĐ-BCN cho chuyển Trung tâm Năng lượng thành Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- Ngày 26/01/2007 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra Quyết định số: 335/QĐ-BCN phê duyệt phương án và chuyển Công ty Tư vấn xây dựng điện 3 thành Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
- Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên của Công ty đã được thực hiện ngày 01 tháng 12 năm 2009.
- Trải qua 47 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 không ngừng lớn mạnh, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Ghi nhận những đóng góp trong sự nghiệp phát triển điện lực, Công ty đã được Nhà nước tặng 01

Huân chương Độc lập hạng Nhì, 01 Huân chương Độc lập hạng Ba, 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 01 Huân chương Lao động hạng Nhì, 03 Huân chương Lao động hạng Ba và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công thương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:
- + Lập quy hoạch phát triển điện lực các huyện, tỉnh, thành phố và quy hoạch phát triển các dự án nhà máy điện (thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân) và năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt);
- + Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu, các dự án: Nhà máy điện, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, đường dây tải điện và trạm biến áp (dự án lưới điện);
- + Khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn;
- + Thiết kế, thẩm tra thiết kế kiến trúc các công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình: Dân dụng, nhà công nghiệp, công nghiệp năng lượng, nhà máy điện, lưới điện, giao thông (đường bộ), phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải). Thiết kế, thẩm tra hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống công nghệ thông tin công trình dân dụng và công nghiệp. Lập tổng dự toán các công trình: Dân dụng, công nghiệp (năng lượng), phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn, giao thông (đường bộ);
- + Tư vấn thiết kế, thẩm tra thiết kế, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy;
- + Tư vấn lập đề án, dự án: Điều tra, đánh giá môi trường, xã hội lâm nghiệp; Điều tra rừng, kiểm kê rừng, quy hoạch rừng, quản lý, phát triển rừng bền vững và đa dạng sinh học (*Trừ dịch vụ điều tra, đánh giá và khai thác rừng tự nhiên bao gồm khai thác gỗ và sản phẩm, đánh bắt động vật hoang dã quý hiếm, quản lý quỹ gen cây trồng, vật nuôi và vi sinh vật sử dụng trong nông nghiệp*);
- + Tư vấn lập hồ sơ chuyển mục đích rừng sang mục đích khác và thực hiện các dịch vụ KH&CN khác liên quan đến hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- + Tư vấn thực hiện kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở, xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở;
- + Thẩm tra dự án đầu tư các dự án xây dựng, thẩm định hồ sơ mời thầu các dự án xây dựng nhà máy điện, dự án lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp;
- + Tư vấn giám sát công tác xây dựng các công trình: Dân dụng, công nghiệp (nhà máy điện, dự án lưới điện), phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- + Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình (phần điện công trình công nghiệp);

- + Giám sát thi công và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông cầu - đường bộ;
- + Giám sát công tác khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn các công trình xây dựng nhà máy điện, lưới điện, dân dụng và công nghiệp;
- + Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, dân dụng và công nghiệp; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- + Thí nghiệm đất, đá, cát, nước, bê tông, thép và các loại vật liệu xây dựng khác;
- + Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy điện, các công trình lưới điện, các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- + Giám định trong lĩnh vực xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp (*Trừ giám định tư pháp*);
- + Đo đạc bản đồ địa hình, địa chất và vẽ bản đồ địa chính, chuyên ngành, Atlas;
- + Khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế công trình viễn thông.
- Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp;
- Sản xuất điện (Chi tiết: sản xuất điện từ năng lượng mặt trời);
- Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Bán điện năng lượng mặt trời (*trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội*));
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình điện (*Trừ xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội*);
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình điện, công trình dân dụng, công nghiệp, công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn và cơ sở hạ tầng (*Trừ xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội*);
- Phá dỡ (*Trừ dịch vụ nổ mìn*);
- Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất (*Trừ dịch vụ nổ mìn*);
- Lắp đặt hệ thống điện (Chi tiết: Thi công lắp đặt thiết bị vào công trình);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Chi tiết: Thi công và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời, máy phát điện năng lượng mặt trời, máy biến thế năng lượng mặt trời, thiết bị điện năng lượng mặt trời và hệ thống xây dựng khác). Thi công và lắp đặt thiết bị vào công trình. Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy;

- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Thi công khoan phụt bê tông, khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Bán buôn phần mềm (*trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối như: thuốc lá và xì gà, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải*);
- Bán buôn vật tư thiết bị ngành điện. Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy (*trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài không được quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối như: thuốc lá và xì gà, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải*);
- Xuất bản phần mềm;
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (*Trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy cập internet*);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (*Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng*);
- Kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Các dịch vụ thí nghiệm tính chất cơ lý đất đá và vật liệu xây dựng. Kiểm toán năng lượng. Kiểm định thiết bị nhà máy điện;
- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường, di dân tái định cư, đo đạc giải thửa, đền bù giải phóng mặt bằng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp. Thực hiện đề án, dự án điều tra cơ bản tài nguyên nước. Tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước và tư vấn lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước; Dịch vụ tư vấn an toàn thông tin mạng;
- Hoạt động tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng, năng lượng, công nghệ thông tin, quản lý dự án, quản trị doanh nghiệp.

3.2. Địa bàn kinh doanh: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có địa bàn kinh doanh trên toàn lãnh thổ (bao gồm cả đảo) của nước Việt Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á như Lào, Campuchia...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý: Xem sơ đồ tổ chức.

- Khối các đơn vị sản xuất gồm: Trung tâm Lưới điện, Trung tâm Nhiệt điện & Năng lượng mới, Trung tâm Thủy điện, Trung tâm Tư vấn dự án & Môi trường.
- Khối các đơn vị kinh doanh và hỗ trợ sản xuất gồm: Phòng Kinh doanh, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Tổ chức & Nhân sự, Văn phòng, Phòng Quản lý chất lượng & Ứng dụng công nghệ.

02 Chi nhánh trực thuộc Công ty gồm:

- Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát & xây dựng điện

+ Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, công trình đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp).

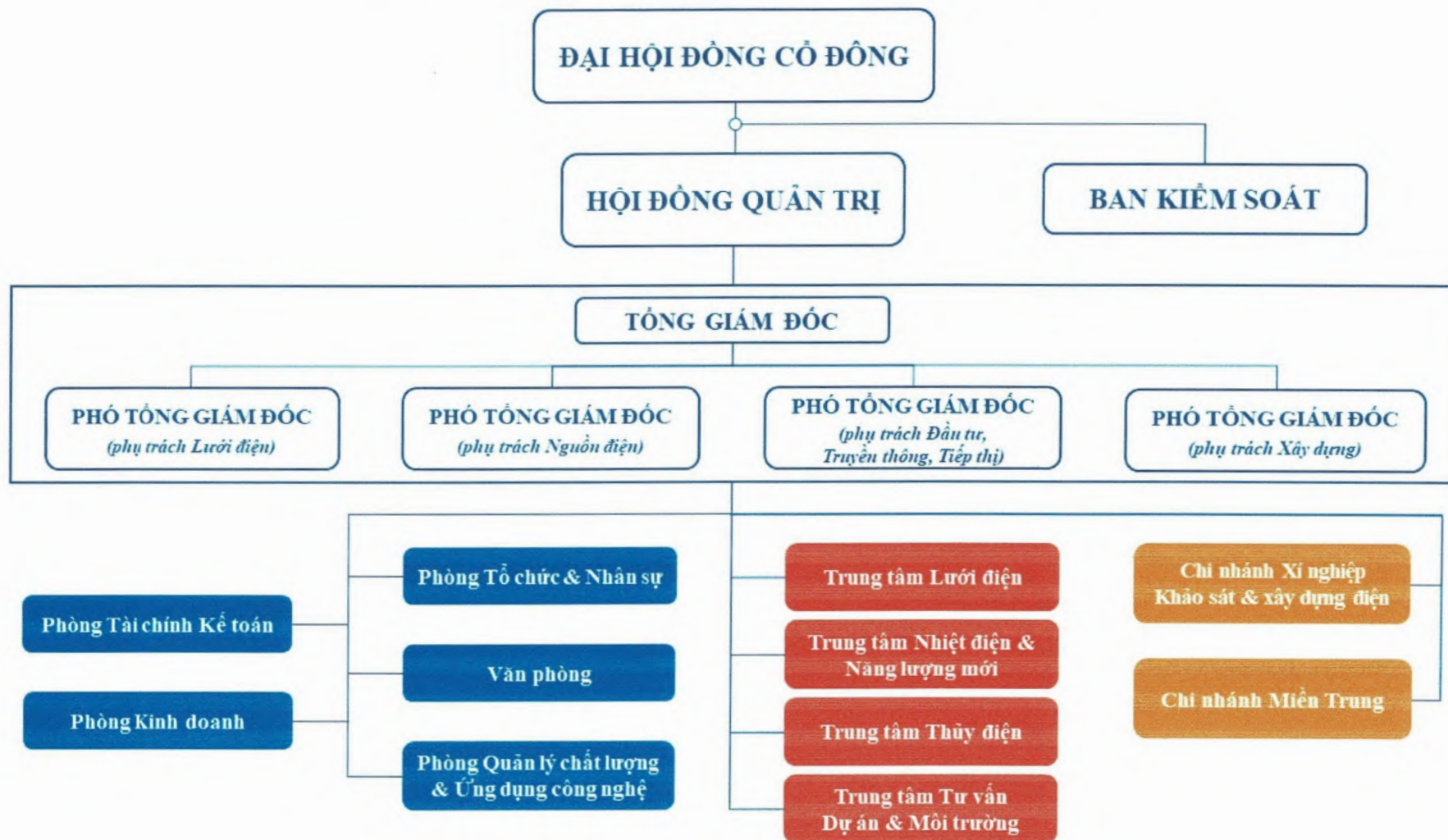
- Chi nhánh Miền Trung

+ Địa chỉ: Đường 23 tháng 10 KDC Tây Cầu Dứa, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy điện, nhiệt điện, nguồn và lưới điện) dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường. Lập tổng dự toán các công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nguồn và lưới điện, các công trình xây dựng dân dụng. Đo đạc khảo sát địa hình xây dựng công trình truyền tải điện. Thiết kế các công trình điện năng, công trình thủy lợi. Giám sát thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3



5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Sứ mệnh: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 cung cấp các giải pháp xây dựng hiệu quả và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật chuyên nghiệp với đội ngũ có năng lực cao, tinh thần đồng đội, góp phần phát triển kinh tế đất nước.
- Tầm nhìn: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 sẽ trở thành công ty tư vấn và thiết kế chuyên nghiệp hàng đầu tại Việt Nam và khu vực, cung cấp dịch vụ chất lượng và uy tín cho các khách hàng trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp và cơ sở hạ tầng.
- Giá trị cốt lõi:
 - + Chính trực - Tin cậy;
 - + Chuyên nghiệp - Sáng tạo - Hiệu quả;
 - + Học hỏi - Phát triển;
 - + Đoàn kết - Hợp tác - Thân thiện.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Duy trì khách hàng hiện có, phát triển khách hàng tư nhân.
- Mở rộng kinh doanh đến thị trường công nghiệp và cơ sở hạ tầng.
- Xây dựng thương hiệu uy tín.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ tư vấn.

5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Giữ vững và tăng trưởng doanh thu: giữ vững doanh thu khách hàng hiện có, đồng thời tận dụng cơ hội xu hướng đầu tư tư nhân vào lĩnh vực năng lượng tăng cao, đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu đối với những khách hàng tư nhân.
- Quản lý hiệu quả chi phí, nâng cao năng suất lao động: mang lại sự gia tăng lợi nhuận cho Công ty cũng như thúc đẩy sự đầu tư vào các hoạt động mang lại giá trị cao.
- Quản lý hiệu quả mối quan hệ khách hàng và các cơ quan ban ngành.
- Gia tăng sự nhận biết thương hiệu: gia tăng sự hiện diện của thương hiệu EVNPECC3 đến các khách hàng tiềm năng và các bên liên quan.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ: góp phần giúp EVNPECC3 phát triển bền vững năng lực cốt lõi của Công ty, cụ thể hoàn thành các quy trình thực hiện dịch vụ (quy trình sản xuất), quy trình chăm sóc khách hàng, tiếp thị và bán hàng.

- Nghiên cứu sản phẩm và xâm nhập thị trường công nghiệp và cơ sở hạ tầng: tiến hành nghiên cứu, đánh giá và đưa ra kế hoạch tiếp cận khách hàng và bán sản phẩm.
- Phát triển năng lực nhân sự chủ chốt: xây dựng kế hoạch đào tạo để phát triển năng lực của các nhân lực trực tiếp cung cấp dịch vụ nhằm gia tăng giá trị và trải nghiệm cho khách hàng.
- Xây dựng đội ngũ tập trung chiến lược: đào tạo kỹ năng cho các nguồn lực nội bộ để có thể xây dựng chiến lược và triển khai chiến lược hiệu quả.
- Xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp theo các giá trị cốt lõi của Công ty: sẽ mang lại sự hài lòng, gắn kết của nhân viên cũng như ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc xây dựng thương hiệu uy tín.

6. Các rủi ro

- Công tác quy hoạch phát triển điện và quy hoạch sử dụng đất giữa các địa phương chưa đồng bộ; chính sách đất đai, đơn giá bồi thường chưa thống nhất giữa các tỉnh, đặc biệt đối với các dự án đường dây đi qua nhiều địa bàn. Các yếu tố này làm phát sinh thay đổi hướng tuyến, phương án thiết kế, kéo dài thời gian khảo sát, thỏa thuận, tiềm ẩn rủi ro phải điều chỉnh hồ sơ thiết kế, ảnh hưởng tiến độ và chi phí tư vấn.
- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa, tranh chấp đất đai còn phức tạp, phụ thuộc nhiều vào địa phương và người dân, kéo dài quá trình thỏa thuận và có thể dẫn đến vi phạm tiến độ hợp đồng.
- Khách hàng ngày càng nâng cao yêu cầu chất lượng và tiến độ, đồng thời đưa vào hợp đồng các điều khoản ràng buộc trách nhiệm tư vấn chặt chẽ (phạt tiến độ, bồi thường thiệt hại, trách nhiệm liên đới...). Trong khi đó, nhiều yếu tố ảnh hưởng (giải phóng mặt bằng, pháp lý, phê duyệt...) nằm ngoài khả năng kiểm soát của đơn vị tư vấn.
- Thị trường tư vấn điện cạnh tranh ngày càng gay gắt với sự tham gia của các đơn vị tư vấn tư nhân, liên danh nước ngoài và các doanh nghiệp ngoài ngành.
- Một số thị trường truyền thống hạn chế nguồn phát triển mới. Trong khi các lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió ngoài khơi) còn thiếu cơ chế rõ ràng hoặc triển khai chậm, dẫn đến gián đoạn nguồn việc.
- Bối cảnh kinh tế còn nhiều biến động, ảnh hưởng đến khả năng triển khai dự án và dòng tiền của chủ đầu tư.
- Thời gian đấu thầu kéo dài, trong khi thời gian thực hiện hợp đồng bị rút ngắn sau khi ký kết. Điều này gây áp lực lớn lên tiến độ thực hiện, chất lượng hồ sơ và phân bổ nguồn lực.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả thực hiện kế hoạch năm

- Kế hoạch doanh thu: **200 tỷ đồng**;
Doanh thu thực hiện: **330,24 tỷ đồng**, đạt 165,12% kế hoạch năm.
- Kế hoạch giá trị HĐ ký mới: **240 tỷ đồng** (trước thuế);
Giá trị HĐ ký mới thực hiện: **525,99 tỷ đồng**, đạt 219,16% kế hoạch năm.
- Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản:
Đầu tư xây dựng: thực hiện **2,53 tỷ đồng**, đạt 6,95% kế hoạch năm;
Mua sắm tài sản: thực hiện **2,91 tỷ đồng**, đạt 58,18% kế hoạch năm.
- Kế hoạch chi tiêu lợi nhuận: **14 tỷ đồng** (trước thuế);
Chi tiêu lợi nhuận thực hiện: **19,95 tỷ đồng** (trước thuế), đạt 142,48% kế hoạch.

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm

- Năm 2025, tình hình hoạt động SXKD của Công ty có chiều hướng tích cực hơn, đã hoàn thành mục tiêu kế hoạch đã đặt ra, với một số thuận lợi, khó khăn như sau:

*** Thuận lợi:**

Nhiều văn bản pháp lý quan trọng được ban hành trong năm 2025 đã tạo ra hành lang thông thoáng, trực tiếp thúc đẩy khối lượng công việc của Công ty như:

- + Quyết định số 768/QĐ-TTg (15/4/2025) và Quyết định số 1509/QĐ-BCT (30/5/2025) về Quy hoạch Điện VIII (điều chỉnh) đã mở ra không gian phát triển mới. Đây là cơ hội để Công ty đa dạng hóa dịch vụ tư vấn trong các lĩnh vực công nghệ cao như: Điện hạt nhân, Điện khí LNG, Lưới điện thông minh, Lưu trữ năng lượng (BESS), Thủy điện tích năng và truyền tải điện một chiều HVDC.
- + Luật Đầu tư và Đấu thầu (Luật số 57/2024/QH15): việc cho phép đấu thầu trước các gói thầu thiết kế kỹ thuật (TKKT), bản vẽ thi công (BVTC) và giám sát giúp các Chủ đầu tư và Công ty rút ngắn tối đa thời gian chuẩn bị. Dựa trên cơ sở này, Công ty có thể triển khai ngay các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, tối ưu hóa nguồn lực và đảm bảo tiến độ bàn giao cho chủ đầu tư.
- + Văn bản số 5781/EVN-KH+ĐXD (08/9/2025): Tập trung đầu tư lưới điện truyền tải tăng cường cho miền Bắc, tạo ra nguồn việc lớn trong mảng khảo sát, thiết kế và giám sát các công trình hạ tầng điện trọng điểm.
- + Công điện số 81/CĐ-TTg (03/6/2025): Sự quyết liệt của Chính phủ trong việc đảm bảo cung ứng điện tháng cao điểm buộc các dự án phải triển khai nhanh, tạo lợi thế cho các đơn vị tư vấn có năng lực phản ứng nhanh.

*** Khó khăn:**

Bên cạnh những thuận lợi, hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2025 cũng chịu tác động không nhỏ từ các yếu tố khách quan và chủ quan, khiến kết quả chưa đạt được mức kỳ vọng tối ưu:

- + Tác động từ quá trình sắp xếp, tinh gọn bộ máy hành chính: Việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh theo chủ trương chung nhằm tinh gọn bộ máy và giảm chi ngân sách là hướng đi đúng đắn. Tuy nhiên, ở giai đoạn chuyển tiếp, việc thay đổi địa giới hành chính và cơ cấu tổ chức tại các địa phương đã gây ra những khó khăn nhất định trong công tác thẩm tra, phê duyệt dự án. Điều này trực tiếp làm kéo dài thời gian hoàn thiện thủ tục pháp lý của nhiều gói thầu tư vấn.
- + Yêu cầu chất lượng công tác tư vấn khảo sát thiết kế ngày càng cao: Trong bối cảnh kinh tế phát triển, yêu cầu về chất lượng sản phẩm tư vấn ngày càng khắt khe, đòi hỏi sự chính xác tuyệt đối và tính khả thi cao. Điều này đặt ra áp lực lớn cho đội ngũ kỹ thuật trong việc không ngừng nâng cao chất lượng hồ sơ và giải pháp thiết kế.
- + Thiếu hụt nguồn nhân lực nòng cốt: Ngành điện đang chuyển dịch mạnh mẽ sang các công nghệ mới, dẫn đến sự thiếu hụt nghiêm trọng nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ Chủ nhiệm dự án và Chủ nhiệm bộ môn có đủ năng lực dẫn dắt các dự án phức tạp. Việc tìm kiếm và đào tạo nhân sự kế cận đáp ứng được tiêu chuẩn mới của ngành là một thách thức lớn đối với Công ty.
- + Hạn chế về nguồn lực khảo sát thực địa: Công tác khảo sát hiện trường, đặc biệt là khoan khảo sát địa chất, đang đối mặt với tình trạng thiếu hụt nguồn lực cung ứng chất lượng. Việc đảm bảo tiến độ và chất lượng khảo sát trong bối cảnh các dự án triển khai đồng loạt là một bài toán khó về điều phối thiết bị và nhân công.
- + Áp lực tiến độ và biến động chi phí: Các dự án cấp bách yêu cầu tiến độ hoàn thành cực ngắn để đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Áp lực này, kết hợp với chi phí đầu vào tăng cao trong khi định mức chi phí tư vấn chưa thay đổi kịp thời, đã ảnh hưởng đáng kể đến biên lợi nhuận của Công ty.
- Đầu tư xây dựng (ĐT XD) và mua sắm tài sản, máy móc, thiết bị:
 - + Công tác ĐT XD Trụ sở nhà điều hành sản xuất (Văn phòng làm việc, giai đoạn 1) Công ty tại TP. Thủ Đức (*nay là phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh*) đã triển khai công tác chuẩn bị dự án và xin cấp giấy phép xây dựng, cụ thể:
 - Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 (đã được UBND TP. Thủ Đức phê duyệt tại Quyết định số: 5525/QĐ-UBND ngày 22/4/2025;
 - Đã có Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC của dự án; Giấy phép môi trường số: 6205/GPMT-UBND-HCC ngày 23/06/2025 của UBND TP. Thủ Đức;

- Báo cáo nghiên cứu khả thi và Thiết kế cơ sở đã được Sở Xây dựng TP. Hồ Chí Minh thẩm định tại công văn số: 3645/SXD-QLXDCT ngày 12/8/2025;
- HĐQT Công ty đã có quyết định phê duyệt dự án Trụ sở nhà điều hành sản xuất tại Quyết định số: 178/QĐ-HĐQT-TVĐ3 ngày 24/10/2025 với giá trị Tổng mức đầu tư: 125 tỷ 243 triệu đồng;
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã hoàn thành, được thẩm tra và phê duyệt theo quy định tại Quyết định số: 5588/QĐ-TVĐ3 ngày 24/11/2025;
- Hồ sơ xin cấp phép xây dựng đã được Sở Xây dựng TP. Hồ Chí Minh chấp thuận tại công văn số: 19605/SXD-QLXDCT ngày 11/12/2025;

Chi phí đầu tư xây dựng dự án đã thực hiện trong năm 2025 là 2,53 tỷ đồng, lũy kế đến năm 2025 là: 3,8 tỷ đồng. Công tác giải ngân chưa triển khai theo đúng tiến độ kế hoạch chủ yếu do các yếu tố khách quan liên quan đến thủ tục pháp lý trong giai đoạn chuẩn bị dự án.

- + Việc chưa đạt kế hoạch trang bị tài sản, máy móc, thiết bị là do Công ty thực hiện trang bị mua sắm tài sản, máy móc, thiết bị căn cứ từ nhu cầu thực tế đáp ứng công tác SXKD của Công ty: Công ty đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục đăng ký bổ sung danh mục kinh doanh cho các mảng: Khảo sát, đo đạc, thu thập dữ liệu ảnh viễn thám và ứng dụng công nghệ 3D vào địa hình, địa chất. Do chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai chính thức các dịch vụ này, Công ty đã tạm dừng việc đầu tư các trang thiết bị công nghệ cao liên quan như hệ thống thiết bị bay chụp (UAV/Drone) và phần mềm xử lý ảnh viễn thám. Việc tạm hoãn này nhằm đảm bảo tính tuân thủ pháp luật và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, tránh tình trạng thiết bị chờ việc.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban điều hành

- Ông **Lạc Thái Phước**: Tổng giám đốc
(Bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 02 năm 2024)
- + Sinh ngày 09 tháng 01 năm 1967;
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;
- + Quốc tịch: Việt Nam;
- + Quá trình công tác:
 - Từ tháng 02/2024 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 06/2022 đến 01/2024: Thành viên Hội đồng quản trị, Quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

- Từ tháng 02/2022 đến tháng 06/2022: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 04/2003 đến tháng 04/2022: Trưởng phòng Thiết kế trạm, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3, sau là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 10/1999 đến tháng 04/2003: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 10/1989 đến tháng 10/1999: Kỹ sư điện phòng Thiết kế trạm, Trung tâm năng lượng, sau là Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- + Tỷ lệ cổ phiếu TV3:
- Đại diện phần vốn của EVN: 14,63%;
 - Sở hữu: 0,07%.
- Ông **Trần Quốc Điền**: Phó Tổng giám đốc
- + Sinh ngày 29 tháng 7 năm 1970;
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;
- + Quốc tịch: Việt Nam;
- + Quá trình công tác:
- Từ tháng 06/2022 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 05/2021 đến 06/2022: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 12/2007 đến tháng 01/2022: Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 06/2001 đến tháng 11/2007: Phó Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3, sau là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 10/1999 đến tháng 05/2001: Chuyên viên phòng Kế hoạch Vật tư, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 04/1999 đến tháng 09/1999: Chuyên viên Ban Quản lý dự án Lưới điện TP. Hồ Chí Minh, Công ty Điện lực Tp. Hồ Chí Minh;
 - Từ tháng 08/1996 đến tháng 03/1999: Tổ trưởng phòng Hợp tác quốc tế - Xuất nhập khẩu, Công ty Điện lực Tp. Hồ Chí Minh;
 - Từ tháng 06/1995 đến tháng 08/1996: Nhân viên phòng Hợp tác quốc tế - Xuất nhập khẩu, Công ty Điện lực Tp. Hồ Chí Minh.
- + Tỷ lệ cổ phiếu TV3:
- Đại diện phần vốn của EVN: 14,63%;
 - Sở hữu: 0%.

- Ông **Trần Lê Minh**: Phó Tổng giám đốc
- + Sinh ngày 02 tháng 03 năm 1966;
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;
- + Quốc tịch: Việt Nam;
- + Quá trình công tác:
 - Từ tháng 06/2022 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 02/2009 đến tháng 06/2022: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 12/2007 đến tháng 01/2009: Trưởng phòng Dự án nguồn, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 10/1999 đến tháng 11/2007: Phó Trưởng phòng Dự án nguồn, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3, sau là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 01/1991 đến tháng 10/1999: Kỹ sư điện phòng Dự án nguồn, Trung tâm năng lượng, sau là Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3: 0,07%.
- Ông **Nguyễn Công Thắng**: Phó Tổng giám đốc
- + Sinh ngày 23 tháng 03 năm 1970;
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống điện;
- + Quốc tịch: Việt Nam;
- + Quá trình công tác:
 - Từ tháng 09/2022 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 03/2006 đến tháng 08/2022: Trưởng phòng Thiết kế đường dây, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3, sau là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 07/2003 đến tháng 03/2006: Phó Trưởng phòng Thiết kế đường dây, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 03/2000 đến tháng 06/2003: Kỹ sư điện phòng Thiết kế đường dây, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 07/1997 đến tháng 02/2000: Kỹ sư điện phòng Thiết kế điện, Trung tâm Năng lượng, sau là Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 09/1994 đến tháng 06/1997: Kỹ sư điện Phân xưởng cơ điện, Nhà máy Thép Thủ Đức, Công ty Thép miền Nam.
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3: 0,0004%.

- Ông **Phạm Hoàng Vinh**: Kế toán trưởng
- + Sinh ngày 26 tháng 10 năm 1971;
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán;
- + Quốc tịch: Việt Nam;
- + Quá trình công tác:
 - Từ tháng 01/2019 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 05/2007 đến tháng 12/2018: Trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3, sau là Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 04/2006 đến tháng 04/2007: Phó Trưởng phòng phụ trách Tài chính kế toán, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 09/1999 đến tháng 04/2006: Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
 - Từ tháng 04/1995 đến tháng 09/1999: Chuyên viên phòng Tài chính kế toán, Trung tâm Năng lượng, sau là Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3: 0,25%.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành

- Ban điều hành Công ty không có sự thay đổi trong năm 2025.

2.3. Cán bộ, nhân viên

- Tổng số lao động tính đến 31 tháng 12 năm 2025 là: 384 người;
- Công ty có lực lượng lao động trẻ, trí thức và năng động với gần 400 nhân sự, trong đó trên 85% có trình độ cao đẳng, trung cấp, đại học và trên đại học, cụ thể như sau:
 - Thạc sĩ: 31 người;
 - Đại học: 255 người;
 - Cao đẳng, Trung cấp: 43 người;
 - Công nhân kỹ thuật: 35 người;
 - Lao động phổ thông: 20 người.
- Lực lượng lao động của Công ty bao gồm nhiều chuyên ngành như: điện, xây dựng, kiến trúc, thủy công, năng lượng, cơ khí, trắc địa, địa chất, thủy văn, môi trường, kinh tế, tài chính, luật, tin học... được đào tạo từ các trường đại học trong và ngoài nước.
- Đối với người lao động, Công ty áp dụng các chế độ, chính sách trả lương thưởng và phúc lợi theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời áp dụng hệ thống trả lương 3P để khuyến khích người lao động làm việc hiệu quả hơn, góp phần tăng năng suất lao động và hiệu quả cho doanh nghiệp.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Tình hình đầu tư góp vốn

- Công ty không có các khoản đầu tư góp vốn trong năm 2025.

3.2. Tình hình đầu tư xây dựng

- Công tác ĐTXD Trụ sở nhà điều hành sản xuất (Văn phòng làm việc, giai đoạn 1) Công ty tại TP. Thủ Đức (nay là phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh) đã triển khai công tác chuẩn bị dự án và xin cấp giấy phép xây dựng, cụ thể:
 - + Quy hoạch chi tiết rút gọn tỷ lệ 1/500 (đã được UBND TP. Thủ Đức phê duyệt tại Quyết định số: 5525/QĐ-UBND ngày 22/4/2025;
 - + Đã có Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC của dự án; Giấy phép môi trường số: 6205/GPMT-UBND-HCC ngày 23/06/2025 của UBND TP. Thủ Đức;
 - + Báo cáo nghiên cứu khả thi và Thiết kế cơ sở đã được Sở Xây dựng TP. Hồ Chí Minh thẩm định tại công văn số: 3645/SXD-QLXDCT ngày 12/8/2025;
 - + HĐQT Công ty đã có quyết định phê duyệt dự án Trụ sở nhà điều hành sản xuất tại Quyết định số: 178/QĐ-HĐQT-TVĐ3 ngày 24/10/2025 với giá trị Tổng mức đầu tư: 125 tỷ 243 triệu đồng;
 - + Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã hoàn thành, được thẩm tra và phê duyệt theo quy định tại Quyết định số: 5588/QĐ-TVĐ3 ngày 24/11/2025;
 - + Hồ sơ xin cấp phép xây dựng đã được Sở Xây dựng TP. Hồ Chí Minh chấp thuận tại công văn số: 19605/SXD-QLXDCT ngày 11/12/2025;
- Chi phí đầu tư xây dựng dự án đã thực hiện trong năm 2025 là 2,53 tỷ đồng, lũy kế đến năm 2025 là: 3,8 tỷ đồng. Công tác giải ngân chưa triển khai theo đúng tiến độ kế hoạch chủ yếu do các yếu tố khách quan liên quan đến thủ tục pháp lý trong giai đoạn chuẩn bị dự án.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	265.663	289.747	9,07%
Doanh thu thuần	185.086	315.385	70,40%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.404	19.942	48,77%
Lợi nhuận khác	(373)	5	-101,30%
Lợi nhuận trước thuế	13.031	19.947	53,07%
Lợi nhuận sau thuế	11.754	16.949	44,21%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	40,49%	28,08%	-30,65%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,38	1,42	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,05	1,06	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,42	0,43	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,72	0,75	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	3,48	5,67	
+ Vòng quay tổng tài sản:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,67	1,14	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,35%	5,37%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	7,60%	10,25%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,42%	5,85%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	7,24%	6,32%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 9.517.303 cổ phần trong đó có 14 cổ phiếu quỹ, số còn lại là cổ phần được chuyển nhượng tự do.
- Danh sách người đại diện phần vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam:
- + Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn: đại diện 1.857.082 cổ phần, chiếm 19,51% vốn điều lệ;
- + Ông Lạc Thái Phước: đại diện 1.392.811 cổ phần, chiếm 14,63% vốn điều lệ;
- + Ông Trần Quốc Điền: đại diện 1.392.811 cổ phần, chiếm 14,63% vốn điều lệ.

5.2. Cơ cấu cổ đông

(Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam)

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	4.642.704	48,78	01	01	-
2	Cổ đông lớn	2.101.838	22,08	02	01	01
	- Trong nước	2.101.838	22,08	02	01	01
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	14	0,00015	01	01	-
4	Cổ đông khác	2.772.747	29,13	576	5	571
	- Trong nước	2.755.105	28,95	569	2	567
	- Nước ngoài	17.642	0,19	7	3	4
TỔNG CỘNG		9.517.303	100	580	08	572
	- Trong nước	9.499.661	99,81	573	05	568
	- Nước ngoài	17.642	0,19	07	03	04

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: mức 50%.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2025 không thay đổi: 95.173.030.000 đồng.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

5.5. Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

6.1. Tác động lên môi trường

- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực tư vấn khảo sát, thiết kế và dịch vụ kỹ thuật các công trình điện. Do đặc thù không trực tiếp sản xuất, tác động môi trường trực tiếp ở mức thấp, chủ yếu phát sinh từ hoạt động văn phòng. Công ty duy trì môi trường làm việc xanh với khuôn viên trồng các loại cây xanh, nơi làm việc cũng khuyến khích các mảng xanh tạo nên môi trường làm việc thân thiện, trong lành.
- Đồng thời, Công ty nhận thức rõ tác động môi trường gián tiếp thông qua các sản phẩm tư vấn, đặc biệt đối với các dự án nguồn và lưới điện. Vì vậy, Công ty định hướng và thực hiện lồng ghép các giải pháp tối ưu thiết kế, tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải trong các hồ sơ tư vấn; Tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn môi trường, đánh giá tác động môi trường theo quy định và thông lệ quốc tế.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Tư vấn xây dựng các công trình điện. Các sản phẩm của Công ty là các sản phẩm mang yếu tố trí tuệ cao trong đó tỷ lệ hàm lượng tiêu tốn nguyên vật liệu để sản xuất và đóng gói là rất nhỏ.
- Do đặc thù là doanh nghiệp dịch vụ tư vấn kỹ thuật, mức tiêu thụ nguyên vật liệu trực tiếp là không đáng kể, chủ yếu là văn phòng phẩm, vật tư phục vụ khảo sát, đo đạc hiện trường,... Công ty xác định và áp dụng chuyển đổi số trong hoạt động tư vấn, văn phòng, giảm sử dụng giấy in, ưu tiên sử dụng các vật liệu thân thiện môi trường trong hoạt động nội bộ.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp - gián tiếp: nguồn năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty là điện năng với phụ tải chủ yếu là các thiết bị phục vụ cho công tác của văn phòng như chiếu sáng, điều hòa và các thiết bị văn phòng.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Công ty đã triển khai lắp đặt hệ thống đồng hồ đo đếm điện năng theo từng khu vực, phòng ban, qua đó tăng cường công tác theo dõi, quản lý lượng điện năng tiêu thụ. Bên cạnh đó, Công ty đã thay thế toàn bộ hệ thống đèn chiếu sáng bằng đèn LED tiết kiệm năng lượng, góp phần quan trọng vào việc giảm mức tiêu thụ điện và thực hiện hiệu quả mục tiêu tiết kiệm năng lượng trong toàn Công ty.

6.4. Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nguồn nước được cung cấp từ Công ty cổ phần cấp nước Bến Thành, lượng nước tiêu thụ trong năm 2025 là 1.169m³. Lượng nước này chủ yếu được sử dụng cho các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của toàn bộ các nhân viên trong Công ty.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Công ty không sử dụng nguồn nước cho mục tiêu sản xuất, lượng nước tiêu chủ yếu cho sinh hoạt, do đó không có nước được tái sử dụng.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và pháp luật về bảo vệ môi trường, các đoàn kiểm tra của các cơ quan chức năng đều đánh giá cao ý thức chấp hành pháp luật và quy định về môi trường của Công ty.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không bị phạt.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động (NLĐ)

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với NLĐ

- Số người lao động tính đến 31/12/2025: 384 người.
- Mức lương trung bình của NLĐ năm 2025: 21 triệu đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của NLĐ

Công ty xác định việc bảo đảm sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động là một trong những ưu tiên trọng tâm trong hoạt động quản trị và phát triển bền vững. Trên cơ sở đó, Công ty đã triển khai đồng bộ các giải pháp như sau:

- Ban hành và duy trì thực hiện Nội quy an toàn, vệ sinh lao động và quy trình phòng cháy, chữa cháy, với đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật; đồng thời niêm yết công khai tại các khu vực làm việc nhằm nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ của người lao động.
- Định kỳ hằng năm, Công ty thuê các đơn vị có chức năng chuyên môn thực hiện quan trắc, đánh giá điều kiện môi trường lao động. Kết quả đo đạc cho thấy các yếu tố môi trường làm việc đều đạt quy chuẩn vệ sinh an toàn, bảo đảm điều kiện làm việc ổn định, lâu dài cho người lao động.
- Trang bị đầy đủ tủ thuốc, dụng cụ và phác đồ cấp cứu tại nơi làm việc; đồng thời bố trí túi sơ cấp cứu cho các lực lượng làm việc tại công trường. Công ty cũng xây dựng phương án xử lý tình huống khẩn cấp và tổ chức tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu, ứng phó sự cố cho người lao động, bảo đảm khả năng xử lý kịp thời khi phát sinh tình huống.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho người lao động: Năm 2025 tỷ lệ tham gia đạt 99%, với tổng chi phí 546 triệu đồng. Bên cạnh đó, Công ty duy trì chi phí cho công tác y tế thường xuyên và phòng, chống dịch bệnh với tổng kinh phí 41,3 triệu đồng.
- Đối với người lao động có bệnh lý mãn tính, Công ty thực hiện theo dõi, tư vấn và phối hợp chăm sóc sức khỏe thông qua việc thông tin kết quả khám sức khỏe đến từng cá nhân, đồng thời khuyến khích người lao động phối hợp với bộ phận y tế để quản lý bệnh lý, điều trị phù hợp, góp phần ổn định sức khỏe và duy trì hiệu quả công việc.

c. Hoạt động đào tạo NLĐ

- Năm 2025 Công ty tiếp tục tập trung vào các khóa đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn liền với mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời khai thác triệt để các chương trình đào tạo nội bộ, đào tạo e-learning.

- Tổng cộng có 40 chương trình gồm đào tạo cán bộ quản lý, đào tạo kỹ năng, bổ sung kiến thức chuyên môn đã được triển khai thực hiện với tổng số lượt người được đào tạo là 1.766 người, chi tiết dưới đây:

TT	Chương trình, nội dung đào tạo	Số lượt người được đào tạo	Số giờ đào tạo bq/người
1	Đào tạo cán bộ quản lý	4	60
2	Đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên	98	
3	Đào tạo nội bộ	187	
4	Đào tạo e-learning	1.477	
	Tổng cộng	1.766	

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Các hoạt động tham gia, quyên góp ủng hộ: Ủng hộ chương trình đi bộ “Vi nạn nhân chất độc màu da cam và người khuyết tật nghèo năm 2025” do Hội chữ Thập đỏ TP.HCM phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam và Công ty CPPT Truyền thông Việt Nam tổ chức với tổng số tiền là 5.000.000 đồng;
- Ủng hộ, thực hiện các hoạt động từ thiện, vì cộng đồng với một số hoạt động lớn như tổ chức đi tặng quà cho em trẻ em nghèo Bình Phước tháng 10/2025, ủng hộ đồng bào các vùng chịu ảnh hưởng lũ lụt, đồng hành cùng thanh niên công nhân khó khăn vào dịp Tết Nguyên đán với tổng số tiền là 70.000.000 đồng;
- Nhận nuôi dưỡng, bảo trợ 03 trẻ mồ côi sau đại dịch Covid-19 cho đến khi các em đủ 18 tuổi, đây là một trong những hoạt động có ý nghĩa to lớn, đã tiếp thêm động lực cho các trẻ bị mồ côi do đại dịch Covid-19 tiếp tục đến trường;
- Hưởng ứng “Tuần lễ hồng EVN” do Tập đoàn Điện lực Việt Nam phát động, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã phát động chương trình “Tuần lễ hồng EVNPECC3” vào ngày 08/12/2025 với 101 lượt NLĐ đã tham gia hiến máu nhân đạo.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2025, tình hình hoạt động SXKD của Công ty có chiều hướng tích cực hơn, đã hoàn thành mục tiêu kế hoạch đã đặt ra, với một số thuận lợi, khó khăn như sau:

*** Thuận lợi:**

Nhiều văn bản pháp lý quan trọng được ban hành trong năm 2025 đã tạo ra hành lang thông thoáng, trực tiếp thúc đẩy khối lượng công việc của Công ty như:

- + Quyết định số 768/QĐ-TTg (15/4/2025) và Quyết định số 1509/QĐ-BCT (30/5/2025) về Quy hoạch Điện VIII (điều chỉnh) đã mở ra không gian phát triển mới. Đây là cơ hội để Công ty đa dạng hóa dịch vụ tư vấn trong các lĩnh vực công nghệ cao như: Điện hạt nhân, Điện khí LNG, Lưới điện thông minh, Lưu trữ năng lượng (BESS), Thủy điện tích năng và truyền tải điện một chiều HVDC.
- + Luật Đầu tư và Đấu thầu (Luật số 57/2024/QH15): việc cho phép đấu thầu trước các gói thầu thiết kế kỹ thuật (TKKT), bản vẽ thi công (BVTC) và giám sát giúp các Chủ đầu tư và Công ty rút ngắn tối đa thời gian chuẩn bị. Dựa trên cơ sở này, Công ty có thể triển khai ngay các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, tối ưu hóa nguồn lực và đảm bảo tiến độ bàn giao cho chủ đầu tư.
- + Văn bản số 5781/EVN-KH+ĐXD (08/9/2025): Tập trung đầu tư lưới điện truyền tải tăng cường cho miền Bắc, tạo ra nguồn việc lớn trong mảng khảo sát, thiết kế và giám sát các công trình hạ tầng điện trọng điểm.
- + Công điện số 81/CĐ-TTg (03/6/2025): Sự quyết liệt của Chính phủ trong việc đảm bảo cung ứng điện tháng cao điểm buộc các dự án phải triển khai nhanh, tạo lợi thế cho các đơn vị tư vấn có năng lực phản ứng nhanh.

*** Khó khăn:**

Bên cạnh những thuận lợi, hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2025 cũng chịu tác động không nhỏ từ các yếu tố khách quan và chủ quan, khiến kết quả chưa đạt được mức kỳ vọng tối ưu:

- + Tác động từ quá trình sắp xếp, tinh gọn bộ máy hành chính: Việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh theo chủ trương chung nhằm tinh gọn bộ máy và giảm chi ngân sách là hướng đi đúng đắn. Tuy nhiên, ở giai đoạn chuyển tiếp, việc thay đổi địa giới hành chính và cơ cấu tổ chức tại các địa phương đã gây ra những khó khăn nhất định trong công tác thẩm tra, phê duyệt dự án. Điều này trực tiếp làm kéo dài thời gian hoàn thiện thủ tục pháp lý của nhiều gói thầu tư vấn.
- + Yêu cầu chất lượng công tác tư vấn khảo sát thiết kế ngày càng cao: Trong bối cảnh kinh tế phát triển, yêu cầu về chất lượng sản phẩm tư vấn ngày càng

khất khe, đòi hỏi sự chính xác tuyệt đối và tính khả thi cao. Điều này đặt ra áp lực lớn cho đội ngũ kỹ thuật trong việc không ngừng nâng cao chất lượng hồ sơ và giải pháp thiết kế.

- + Thiếu hụt nguồn nhân lực nòng cốt: Ngành điện đang chuyển dịch mạnh mẽ sang các công nghệ mới, dẫn đến sự thiếu hụt nghiêm trọng nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ Chủ nhiệm dự án và Chủ nhiệm bộ môn có đủ năng lực dẫn dắt các dự án phức tạp. Việc tìm kiếm và đào tạo nhân sự kế cận đáp ứng được tiêu chuẩn mới của ngành là một thách thức lớn đối với Công ty.
 - + Hạn chế về nguồn lực khảo sát thực địa: Công tác khảo sát hiện trường, đặc biệt là khoan khảo sát địa chất, đang đối mặt với tình trạng thiếu hụt nguồn lực cung ứng chất lượng. Việc đảm bảo tiến độ và chất lượng khảo sát trong bối cảnh các dự án triển khai đồng loạt là một bài toán khó về điều phối thiết bị và nhân công.
 - + Áp lực tiến độ và biến động chi phí: Các dự án cấp bách yêu cầu tiến độ hoàn thành cực ngắn để đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Áp lực này, kết hợp với chi phí đầu vào tăng cao trong khi định mức chi phí tư vấn chưa thay đổi kịp thời, đã ảnh hưởng đáng kể đến biên lợi nhuận của Công ty.
- Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2025:

ĐVT: tỷ đồng

Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt
Doanh thu	200	330,24	165,12%
Hợp đồng	240	525,99	219,16%
Đầu tư xây dựng	36,4	2,53	6,95%
Mua sắm tài sản, máy móc, thiết bị	5	2,91	58,18%
Lợi nhuận	14	19,95	142,48%

2. Tình hình tài chính

2.1. Bảng cân đối kế toán

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch so với năm trước
A. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	153.531.070.963	175.993.011.357	14,63%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	38.941.438.605	24.456.232.360	-37,20%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	220.790.000	220.790.000	0,00%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	75.993.606.777	105.940.677.181	39,41%
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi	137-BCĐKT	(32.521.353.302)	(36.758.208.154)	13,03%

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch so với năm trước
IV. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	36.644.472.446	44.222.481.774	20,68%
V. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	1.730.763.135	1.152.830.042	-33,39%
B. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	112.132.228.569	113.754.234.956	1,45%
I. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	44.385.393.998	40.781.607.187	-8,12%
II. Tài sản cố định:	220-BCĐKT	12.589.844.510	13.245.953.475	5,21%
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>221-BCĐKT</i>	<i>4.534.550.927</i>	<i>5.497.772.652</i>	<i>21,24%</i>
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	<i>224-BCĐKT</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>227-BCĐKT</i>	<i>8.055.293.583</i>	<i>7.748.180.823</i>	<i>-3,81%</i>
III. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT	0	0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	1.371.972.000	4.039.522.963	194,43%
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	53.150.000.000	53.150.000.000	0,00%
VI. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	635.018.061	2.537.151.331	299,54%
Tổng tài sản	270-BCĐKT	265.663.299.532	289.747.246.313	9,07%
C. Nợ phải trả	300-BCĐKT	110.945.577.994	124.311.760.574	12,05%
I. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	110.945.577.994	124.311.760.574	12,05%
Trong đó : Nợ quá hạn	-	0	0	0
II. Nợ dài hạn	320-BCĐKT	0	0	0
D. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	154.717.721.538	165.435.485.739	6,93%
I. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	154.717.721.538	165.435.485.739	6,93%
<i>Trong đó: vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>411-BCĐKT</i>	<i>95.173.030.000</i>	<i>95.173.030.000</i>	<i>0,00%</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT	0	0	0
Tổng nguồn vốn	440-BCĐKT	265.663.299.532	289.747.246.313	9,07%

2.2. Tình hình tài sản, nợ phải trả

- Tình hình tài sản: Tổng tài sản của Công ty biến động tăng 9,07% so với năm trước chủ yếu là nợ phải thu ngắn hạn tăng do doanh thu những tháng cuối năm biến động tăng dẫn đến các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng tăng so với cùng kỳ năm trước. Nhìn chung, Công ty có dòng tài chính ổn định, hiệu quả sử dụng tài sản luôn dương, khả năng thanh toán nhanh >1 chứng minh dòng tiền bền vững đủ đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tình hình nợ phải trả: Nợ phải trả của Công ty biến động tăng 12,05% so với cùng kỳ. Công ty có hệ số nợ phải trả/ tổng tài sản an toàn (<1) cho thấy nguồn nợ ngắn hạn chiếm không cao trên giá trị tổng tài sản của công ty, Công ty chủ động cân đối nguồn lực và thanh toán các khoản nợ trong ngắn hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển quan trọng của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện trong công tác hoàn thiện mô hình tổ chức, nâng cao năng lực quản trị, tiếp tục định hướng và lộ trình chuyển đổi số của Công ty. Những chuyển biến rõ nét được ghi nhận theo hướng triển khai thực tế, nâng cao hiệu quả hoạt động và cải thiện chất lượng nguồn lực.

3.1. Công tác tổ chức quản lý

- Tập trung hoàn thiện Đề án tái cấu trúc và vận hành mô hình tổ chức mới từ tháng 10/2025, theo hướng tinh gọn đầu mối, giảm chồng chéo chức năng và tăng cường tính chuyên môn hóa. Việc chuyển đổi này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị mà còn tạo điều kiện để Công ty sử dụng nguồn lực linh hoạt hơn trong bối cảnh thị trường và nhân sự có nhiều biến động. Đồng thời, các công cụ quản trị theo mục tiêu như BSC/KPI tiếp tục được áp dụng và hoàn thiện, góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong điều hành.

3.2. Công tác nâng cao năng lực nguồn nhân lực

- Tổ chức đào tạo theo định hướng nâng cao chất lượng đào tạo theo chiều sâu: Các chương trình đào tạo được thiết kế gắn với nhu cầu thực tế của hoạt động tư vấn và quản lý dự án, tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm như quản lý dự án, tiêu chuẩn kỹ thuật, BIM, quản lý chất lượng và các quy định pháp lý chuyên ngành.
- Công ty đưa vào đào tạo các nội dung mới như chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ và quản trị rủi ro, qua đó từng bước nâng cao năng lực thích ứng của đội ngũ trước yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Hình thức đào tạo trực tuyến (e-learning) cũng được mở rộng, tích hợp vào ERP và gắn trực tiếp với hệ thống quản trị nội bộ, giúp tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả tiếp cận.
- Duy trì và nâng cao năng lực hành nghề thông qua cấp mới/gia hạn chứng chỉ, thi sát hạch của đội ngũ chủ nhiệm dự án, kỹ sư tư vấn, giám sát.

3.3. Công tác Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ

- Tiếp tục triển khai hệ thống ERP theo kế hoạch: Các phân hệ quản lý nhân sự, tài sản, tài chính - kế toán và quản lý chất lượng đã được đưa vào sử dụng thực tế; đồng thời, các chức năng CRM được phát triển bổ sung, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý khách hàng và cơ hội kinh doanh. Việc kết nối dữ liệu giữa các

hệ thống đã bước đầu hình thành nền tảng quản trị đồng bộ, hỗ trợ điều hành dự án và kiểm soát tài chính hiệu quả hơn.

- Công ty tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực BIM và các công cụ số phục vụ tư vấn, cũng như duy trì hệ thống an toàn thông tin theo tiêu chuẩn quốc tế.

3.4. Cải tiến hệ thống quy chế, quy trình, quy định trong công tác quản lý chất lượng

- Công ty đã hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ với số lượng ban hành vượt kế hoạch, bảo đảm cập nhật kịp thời các quy định pháp luật.
- Hệ thống quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn ISO 31000:2018 đã được hoàn thành đầy đủ các giai đoạn và từng bước đưa vào áp dụng trong hoạt động thực tiễn. Điều này giúp Công ty nâng cao năng lực nhận diện, đánh giá và kiểm soát rủi ro trong bối cảnh thị trường ngày càng cạnh tranh và yêu cầu chất lượng dịch vụ ngày càng cao.

3.5. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và cải thiện điều kiện làm việc cho NLĐ

- Năm 2025 ghi nhận sự cải thiện tích cực về việc làm, khi khối lượng công việc tăng lên, nhiều đơn vị hoạt động với cường độ cao. Nhờ đó, thu nhập bình quân của người lao động được nâng lên đáng kể, đạt trên 21 triệu đồng/người/tháng, đồng thời việc chi trả tiền lương được thực hiện đầy đủ và đúng hạn.
- Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục duy trì và mở rộng các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, bao gồm chăm sóc sức khỏe, phối hợp Công đoàn, Đoàn thanh niên hỗ trợ các trường hợp khó khăn, thiên tai, bệnh hiểm nghèo,... tổ chức các hoạt động văn hóa - thể thao và gắn kết nội bộ. Các hoạt động này không chỉ góp phần ổn định đời sống người lao động mà còn tạo nền tảng xây dựng môi trường làm việc gắn kết, bền vững.

Năm 2025 đánh dấu chuyển từ giai đoạn xây dựng nền tảng sang triển khai và tối ưu vận hành. Những cải tiến về tổ chức, quản trị, nguồn nhân lực và chuyển đổi số đã bước đầu phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo tiền đề cho sự phát triển ổn định, bền vững của Công ty trong các giai đoạn tiếp theo.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Mục tiêu năm 2026

- Căn cứ tình hình kết quả thực hiện SXKD năm 2025 và dự báo tình hình SXKD trong thời gian tới, Công ty nhận định khả năng thực hiện kế hoạch SXKD năm 2026 như sau:
 - + Doanh thu: 300 tỷ đồng.
 - + Lợi nhuận trước thuế: 20 tỷ đồng.
 - + Hợp đồng: 360 tỷ đồng.

- Tiếp tục quản lý khách hàng hiệu quả, gia tăng sự hiện diện thương hiệu EVNPECC3.
- Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng và hệ thống an toàn thông tin, tích hợp quy trình thực hiện dịch vụ mà EVNPECC3 cung cấp.
- Đào tạo kỹ năng cho các nguồn nhân lực nội bộ; xây dựng phát triển văn hóa đáng tin thông qua truyền thông 4 giá trị cốt lõi của Công ty.

4.2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 dự kiến sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 phê duyệt như sau:

- Kế hoạch doanh thu: 300 tỷ đồng.
- Kế hoạch giá trị ký hợp đồng: 360 tỷ đồng.
- Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản, máy móc, thiết bị:
 - + ĐTXD Nhà điều hành sản xuất Công ty tại P. Cát Lái, TP.HCM: 48,7 tỷ đồng.
 - + Mua sắm tài sản, máy móc, thiết bị: 6,5 tỷ đồng.
- Kế hoạch lợi nhuận: 20 tỷ đồng (trước thuế).

4.3. Các giải pháp thực hiện

a. Triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh

- Đối với lĩnh vực lưới điện:
 - + Đẩy nhanh công tác thỏa thuận CTĐT hoặc Chấp thuận Nhà đầu tư theo Nghị quyết số 253/2025/QH15.
 - + Cần tập trung nhân lực thỏa thuận, triển khai BCNCKT, TKKT các dự án có kế hoạch khởi công năm 2026 của EVNNPT theo quyết định số 1792/QĐ-EVN ngày 25/12/2025.
 - + Cần tập trung nhân lực thỏa thuận CTĐT triển khai các dự án giải tỏa nguồn khu vực Tây Bắc và nguồn LNG, đảm bảo cung cấp điện khu vực miền Bắc theo văn bản số 5781/EVN-KH-ĐTXD ngày 8/9/2025.
- Đối với lĩnh vực thủy điện: Tập trung triển khai dự án Nhà máy Thủy điện Nam Neun 1 triển khai TKBVTC và tìm kiếm hợp đồng, triển khai BCNCKT, TKKT các dự án có kế hoạch khởi công năm 2026 như Thủy điện Bản Chát mở rộng.
- Đối với lĩnh vực nhiệt điện: Tập trung triển khai lập, đánh giá, QLDA, GSTC Ô Môn 1, Quảng Trạch 2...
- Đối với lĩnh vực năng lượng tái tạo: Thúc đẩy thực hiện các hợp đồng đã ký, tiếp tục tìm kiếm các nhà đầu tư tư nhân, nước ngoài để thực hiện các dịch vụ tư vấn liên quan, nhất là các dự án năng lượng tái tạo chuyển tiếp được tư nhân phát triển.
- Quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí các đơn vị trên cơ sở sử dụng chi phí hiệu quả.

- Đẩy mạnh công tác nghiệm thu thanh toán khối lượng công việc đã hoàn thành và thu hồi công nợ.
 - Tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo để phát triển năng lực của các nhân lực chủ chốt, tập trung vào năng lực các Chủ nhiệm dự án.
- b. Về triển khai tìm kiếm dự án, ký hợp đồng mới và phát triển thị trường, gia tăng thương hiệu**
- Tập trung tham dự thầu và ký kết được các hợp đồng triển khai BCNCKT, TKKT các dự án có kế hoạch khởi công năm 2026 của EVNNPT theo quyết định số 1792/QĐ-EVN ngày 25/12/2025.
 - Có kế hoạch và làm việc với các Tổng công ty Phát điện 1, 2, 3 các công việc liên quan đến các Nhà máy nhiệt điện, thủy điện như Nghiên cứu tổng thể chuyển đổi nhiên liệu cho các NMNĐ của GENCO, xây dựng các nhà máy ICE, nhà máy điện sinh khối, nghiên cứu tiêu chuẩn thực hiện điện mặt trời sân bay, đánh giá các tổ máy đang vận hành, đánh giá an toàn đập, quan trắc chuyển vị nhà máy, nâng cao hiệu suất vận hành các nhà máy điện hiện hữu.
 - Nghiên cứu các dự án năng lượng tái tạo dạng tự sản tự tiêu.
 - Các đơn vị chủ động phối hợp kết nối với Phòng Kinh doanh để báo giá cho khách hàng để có giá chào thầu phù hợp cho từng phân khúc khách hàng, đặc biệt là khách hàng tư nhân.
 - Tiếp tục chăm sóc khách hàng và tìm hiểu khách hàng đánh giá các sản phẩm tốt nhất của EVNPECC3.
- c. Đầu tư xây dựng**
- Năm 2026, Ban quản lý dự án Nhà điều hành sản xuất tiếp tục triển khai thực hiện công tác đầu tư xây dựng dự án Nhà điều hành sản xuất Công ty tại phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh giai đoạn thực hiện dự án: Thực hiện công tác lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, lập HSMT, dự toán gói thầu, tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu thi công xây lắp để thực hiện thi công xây dựng dự án.
 - Kế hoạch thực hiện và chi phí dự kiến thực hiện năm 2026 là: 48,7 tỷ đồng.
- d. Mua sắm tài sản, máy móc, thiết bị**
- Tiếp tục triển khai thực hiện phần mềm ERP giai đoạn 2.
 - Mua sắm tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ công tác sản xuất theo nhu cầu thực tế.
- e. Quản lý tài chính**
- Tiếp tục quản lý, giám sát tài chính, dòng tiền của Công ty và theo dõi thực hiện hiệu quả kế hoạch chi phí đã được duyệt.
 - Tập trung đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành.
 - Xem xét thủ tục pháp lý đưa ra Trọng tài kinh tế đối với các khoản nợ quá hạn, nhất là với khách hàng tư nhân giao dịch lần đầu.

f. Hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ

- Tập trung sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định sau:
 - + Liên quan đến quản trị công ty để phù hợp với Luật Doanh nghiệp sửa đổi, Luật Chứng khoán sửa đổi, NĐ155, NĐ245/2025, TT116;
 - + Liên quan tới hoạt động đấu thầu, xây dựng... để phù hợp với Luật Đấu thầu sửa đổi và các văn bản hướng dẫn liên quan; Nghị định 175/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng, Luật quy hoạch 2025, Luật đường sắt 2025...
 - + Liên quan đến công tác lương, thưởng, động viên như QC Lương, QC phân cấp, NQLĐ, TULĐTT;
 - + Liên quan đến an toàn thông tin nhằm chuẩn bị cho kỳ tái chứng nhận ISO 27001.

g. Công tác chuyển đổi số

- Triển khai kế hoạch chuyển đổi số năm 2026, hướng đến mục tiêu tích hợp công cụ làm việc, học tập và giao tiếp trực tuyến, nâng cao hiệu quả làm việc trên môi trường số.
- Nghiên cứu và ứng dụng AI phục vụ hoạt động SXKD của Công ty.
- Triển khai đưa vào áp dụng BIM đối với các dự án bắt buộc trong năm 2026.
- Duy trì, cải tiến và tái chứng nhận hệ thống an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO 27001:2022. Tăng cường các biện pháp bảo mật và phòng chống tấn công mạng đảm bảo an ninh mạng và an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin.

h. Công tác tổ chức nhân sự và hoạt động chăm lo NLD

Trong năm 2026, Công ty tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị nhân sự theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch và gắn với hiệu quả hoạt động SXKD.

- Trọng tâm là rà soát, hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý, làm rõ chức năng, nhiệm vụ và tăng cường phối hợp giữa các đơn vị; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng hệ thống ERP trong quản lý công việc và dự án nhằm nâng cao tính minh bạch và hiệu quả sử dụng nguồn lực. Công ty cũng xây dựng và triển khai Chiến lược nhân sự, kiện toàn đội ngũ lãnh đạo tại các đơn vị trọng điểm và chủ động bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Tiếp tục thực hiện sắp xếp, tối ưu cơ cấu tổ chức trên cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động, đồng thời đổi mới công tác đánh giá cán bộ, chính sách tiền lương và cơ chế đãi ngộ nhằm tạo động lực làm việc và thu hút nhân sự có năng lực. Các chương trình đào tạo năm 2026 được triển khai theo định hướng nâng cao năng lực chuyên môn, quản lý và thích ứng với chuyển đổi số.
- Công tác xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp tiếp tục được chú trọng, hướng đến nâng cao chất lượng dịch vụ và lấy khách hàng làm trung tâm.

- Đối với NLD, Công ty duy trì và nâng cao các chính sách phúc lợi, bao gồm xét nâng bậc lương định kỳ, tổ chức khám sức khỏe, tham quan nghỉ mát và các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần. Qua đó, góp phần xây dựng môi trường làm việc ổn định, gắn kết và phát triển bền vững.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Công ty kiểm toán đã chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty đã có những chỉ đạo và quyết sách phù hợp, đáp ứng tốt các quy định của pháp luật và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường, xã hội.
- Đánh giá liên quan đến vấn đề NLD: Công ty tổ chức lấy ý kiến các vấn đề liên quan đến NLD tuân thủ theo Luật định, hàng năm Công ty và Công đoàn phối hợp tổ chức Hội nghị Người lao động để từ đó lắng nghe và giải quyết các yêu cầu và kiến nghị chính đáng của NLD. Công ty luôn có những cải tiến về chính sách tiền lương, phúc lợi nhằm đáp ứng cao nhất đời sống vật chất, tinh thần cho NLD.
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2025 là năm thứ 18 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 hoạt động với mô hình công ty cổ phần có những điều kiện thuận lợi và khó khăn như sau:

- Thuận lợi:
 - + Tiếp tục kế thừa nền tảng hoạt động ổn định từ các năm trước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai kế hoạch SXKD và các định hướng phát triển trong năm 2025.
 - + Ban điều hành có sự đoàn kết, năng lực và tinh thần trách nhiệm cao; đội ngũ cán bộ, kỹ sư có chuyên môn tốt, giàu kinh nghiệm, góp phần đảm bảo chất lượng và tiến độ thực hiện các dự án.
 - + Công ty duy trì được vị thế và uy tín trong lĩnh vực tư vấn xây dựng điện, tiếp tục nhận được sự tin tưởng của khách hàng.
 - + Hệ thống quản trị, quy chế nội bộ từng bước được rà soát, hoàn thiện; công tác sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy được triển khai, tạo nền tảng nâng cao hiệu quả hoạt động trong trung và dài hạn.

- Khó khăn:

- + Bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế còn nhiều biến động; một số dự án nguồn và lưới điện chậm triển khai, giãn tiến độ hoặc gặp khó khăn về thu xếp vốn, ảnh hưởng trực tiếp đến khối lượng công việc tư vấn của Công ty.
- + Thị trường tư vấn xây dựng điện ngày càng cạnh tranh, với sự tham gia của nhiều đơn vị trong và ngoài ngành, tạo áp lực về giá, tiến độ và chất lượng dịch vụ.
- + Yêu cầu của khách hàng ngày càng cao, các điều khoản hợp đồng chặt chẽ hơn, làm gia tăng áp lực về trách nhiệm, chất lượng sản phẩm tư vấn và rủi ro trong thực hiện hợp đồng.
- + Quá trình triển khai Đề án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy đặt ra yêu cầu cao trong công tác quản trị, cân đối nguồn lực và ổn định tâm lý người lao động trong giai đoạn chuyển đổi.

Mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức từ thị trường và môi trường kinh doanh, HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của Ban điều hành và tập thể cán bộ nhân viên trong việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng năm 2025 của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt vai trò điều hành hoạt động SXKD của Công ty, cụ thể:

- Ban Tổng giám đốc có sự đoàn kết, năng động, có chuyên môn vững và tinh thần trách nhiệm cao; chủ động, quyết liệt trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao, góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động chung của Công ty.
- Công tác điều hành được triển khai bài bản, thông qua việc duy trì các cuộc họp điều hành, rà soát tiến độ với nội dung đi vào chiều sâu, tập trung vào chất lượng và tiến độ từng dự án; qua đó nâng cao hiệu quả quản lý và điều phối nguồn lực.
- Ban Tổng giám đốc đã chủ động thích ứng với điều kiện thị trường, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của khách hàng, duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần đảm bảo việc làm và thu nhập cho NLĐ.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Kế hoạch công tác:

- + Duy trì họp HĐQT định kỳ theo quý; tổ chức họp bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản khi cần thiết để kịp thời quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền.
- + Thực hiện chức năng định hướng, phê duyệt và giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2026 theo Nghị quyết ĐHCĐ.
- + Phê duyệt các hồ sơ thuộc thẩm quyền, đặc biệt đối với dự án xây dựng Nhà điều hành sản xuất tại TP. Thủ Đức.

- + Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.
- Biện pháp thực hiện:
 - + Nâng cao hiệu quả quản trị, tăng cường công tác giám sát đối với Tổng giám đốc và Ban điều hành.
 - + Duy trì cơ chế giám sát thông qua báo cáo định kỳ, chuyên đề và các cuộc họp điều hành; tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu (SXKD, tài chính, đầu tư, rủi ro, tuân thủ).
 - + Kịp thời ban hành các Nghị quyết định hướng phát triển, nâng cao năng lực tư vấn và hiệu quả hoạt động.
 - + Chỉ đạo triển khai Đề án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
 - + Tăng cường giám sát giao dịch với người có liên quan, hoạt động tài chính - đầu tư; hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và công bố thông tin.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

- Ông **Nguyễn Như Hoàng Tuấn**: Chủ tịch Hội đồng quản trị
 - + Sinh ngày 18 tháng 10 năm 1973;
 - + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật điện;
 - + Quốc tịch: Việt Nam;
 - + Tỷ lệ cổ phiếu TV3:
 - Đại diện phần vốn của EVN: 19,51%;
 - Sở hữu: 0,05%.
- Ông **Lạc Thái Phước**: Thành viên Hội đồng quản trị
 - + Sinh ngày 09 tháng 01 năm 1967;
 - + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;
 - + Quốc tịch: Việt Nam;
 - + Tỷ lệ cổ phiếu TV3:
 - Đại diện phần vốn của EVN: 14,63%;
 - Sở hữu: 0,07%.
- Ông **Trần Quốc Điền**: Thành viên Hội đồng quản trị
 - + Sinh ngày 29 tháng 7 năm 1970;

- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;
- + Quốc tịch: Việt Nam;
- + Tỷ lệ cổ phiếu TV3:
 - Đại diện phần vốn của EVN: 14,63%;
 - Sở hữu: 0%.
- Ông **Trần Lê Minh**: Thành viên Hội đồng quản trị
- + Sinh ngày 02 tháng 03 năm 1966;
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh;
- + Quốc tịch: Việt Nam;
- + Các chức danh nắm giữ tại Công ty khác: Thành viên HĐQT độc lập Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3: 0,07%.
- Ông **Võ Văn Phương**: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
- + Sinh ngày 18 tháng 09 năm 1982;
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí ô tô, Tư vấn đầu tư tài chính;
- + Quốc tịch: Việt Nam;
- + Các chức danh nắm giữ tại Công ty khác: Giám đốc kinh doanh - Giám đốc Tư vấn đầu tư, Công ty Chứng khoán VPS;
- + Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3: 0%.
- Ông Phạm Trần Quốc Việt, Phó Trưởng phòng Tổ chức & Nhân sự được Hội đồng quản trị bổ nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty, đồng thời được ủy quyền là người công bố thông tin.
- + Điện thoại: 0938 801 015
- + Email: vietptq@pecc3.com.vn

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

a. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát đối với Tổng giám đốc và Ban điều hành trong việc tổ chức triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Ban điều hành đã bám sát các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT trong công tác điều hành, tổ chức triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, tái cấu trúc tổ chức và các nhiệm vụ trọng tâm của Công ty.

- HĐQT duy trì cơ chế giám sát thường xuyên thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban sản xuất định kỳ; đồng thời xem xét các báo cáo định kỳ, chuyên đề, qua đó kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động và đưa ra ý kiến chỉ đạo phù hợp.
- Công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc được triển khai đồng bộ, có trọng tâm, đặc biệt trong việc kiểm soát tiến độ, chất lượng thực hiện các dự án, công tác nghiệm thu, thanh toán và quản lý hợp đồng, góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.
- HĐQT đã tập trung giám sát các lĩnh vực trọng yếu theo các Nghị quyết đã ban hành, bao gồm: quản trị tài chính, huy động vốn, đầu tư dự án, tái cấu trúc bộ máy, công tác nhân sự cấp cao và các giao dịch với người có liên quan, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

b. Tỷ lệ tham dự các cuộc họp của các thành viên HĐQT

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	09/09	100%	
2	Ông Lạc Thái Phước	09/09	100%	
3	Ông Trần Quốc Điền	09/09	100%	
4	Ông Trần Lê Minh	09/09	100%	
5	Ông Võ Văn Phương	09/09	100%	

c. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
1	08/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý I)	20/01/2025	Điều 1. Phê duyệt các hợp đồng Công ty đã ký với Người có liên quan trong quý IV năm 2024 với số lượng 23 hợp đồng và tổng giá trị các hợp đồng là 14,6 tỷ đồng. Điều 2. Thông qua chủ trương Công ty sẽ ký các hợp đồng với Người có liên quan trong quý I năm 2025 với số lượng khoảng 07 hợp đồng và tổng giá trị các hợp đồng dự kiến là 118,7 tỷ đồng.	100%
2	09/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý I)	20/01/2025	Điều 1. Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3, kế hoạch dự kiến như sau: - Thời gian: Thứ Năm ngày 24/4/2025; - Hình thức: họp trực tiếp; - Địa điểm: Trụ sở EVNPECC3.	100%







TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
			Điều 2. Ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách Người sở hữu chứng khoán tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 là thứ Năm ngày 20/3/2025.	
3	10/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý I)	20/01/2025	<p>Điều 1. Ghi nhận kết quả SXKD năm 2024.</p> <p>Điều 2. Thống nhất đề trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025.</p> <p>Điều 3. Thông qua Kế hoạch thực hiện xây dựng Nhà điều hành sản xuất Công ty tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và chi phí dự kiến thực hiện trong năm 2025 của Ban QLDA là 36,4 tỷ đồng.</p> <p>Điều 4. Thông qua Kế hoạch rà soát, hiệu chỉnh Quy chế quản lý nội bộ năm 2025 thuộc thẩm quyền HĐQT ban hành.</p>	100%
4	33/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản)	18/3/2025	Điều 1. Thông qua các nội dung đề NDD phần vốn của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 tại Công ty CP Phong điện Thuận Bình biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2025 Công ty CP Phong điện Thuận Bình.	100%
5	50/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý II)	10/4/2025	<p>Điều 1. Phê duyệt các hợp đồng Công ty đã ký với Người có liên quan trong quý I năm 2025 với số lượng 17 hợp đồng và tổng giá trị các hợp đồng là 64,7 tỷ đồng.</p> <p>Điều 2. Thông qua chủ trương Công ty sẽ ký các hợp đồng với Người có liên quan trong quý II năm 2025 với số lượng khoảng 08 hợp đồng và tổng giá trị các hợp đồng dự kiến là 170,4 tỷ đồng.</p> <p>Điều 3. Thống nhất bổ nhiệm ông Phạm Trần Quốc Việt giữ chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty kể từ ngày 01/6/2025. Thời hạn bổ nhiệm là 05 năm.</p> <p>Giao nhiệm vụ ông Phạm Trần Quốc Việt là người phụ trách kiểm toán nội bộ của Công ty kể từ ngày 01/6/2025. Thời hạn giao nhiệm vụ là 05 năm.</p>	100%

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
6	51/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý II)	10/4/2025	<p>Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định giá trị và giá khởi điểm chuyển nhượng cổ phần Công ty CP EVN Quốc tế (MCK: EIC):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất kết quả thẩm định giá trị cổ phần Công ty cổ phần EVN Quốc tế tại ngày 31/12/2023 theo chứng thư thẩm định giá do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện là 98.200 đồng/cổ phần; - Thống nhất giá đề xuất lựa chọn mức giá khởi điểm chuyển nhượng cổ phần Công ty CP EVN Quốc tế bằng mức đề xuất tại chứng thư thẩm định giá là 98.200 đồng/cổ phần. 	100%
7	52/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý II)	10/4/2025	<p>Điều 1. Thông qua chi tiết phương án đảm bảo việc chào bán cổ phần tại Công ty cổ phần EVN Quốc tế đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của EVNI là 0%.</p> <p>Điều 2. Thông qua Phụ lục số 01, hiệu chỉnh bổ sung một số nội dung trong Hợp đồng ủy quyền số 01/EVNI/2022/HĐ-EVNPECC3-EVNCPC ngày 26/4/2022 về việc thực hiện các thủ tục thoái vốn tại Công ty cổ phần EVN Quốc tế giữa Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 và Tổng Công ty Điện lực miền Trung.</p> <p>Điều 3. Giao Tổng giám đốc đại diện Công ty ký kết Phụ lục số 01 của Hợp đồng ủy quyền số 01/EVNI/2022/HĐ-EVNPECC3-EVNCPC ngày 26/4/2022 và các hồ sơ cần thiết liên quan đến công tác thoái vốn của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 tại Công ty cổ phần EVN Quốc tế.</p> <p>Điều 4. Chấp thuận việc ký kết hợp đồng tư vấn giữa Tổng Công ty Điện lực miền Trung (EVNCPC) và Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc gia (NSI) về việc tư vấn thoái vốn và lập hồ sơ chào bán cổ phiếu, cùng toàn bộ nội dung hợp đồng tư vấn số 2307S29-48/CPC-NSI ngày 17/7/2023 giữa EVNCPC và NSI.</p>	100%
8	55/NQ-HĐQT-TVĐ3	10/4/2025	<p>Điều 1. Ghi nhận kết quả SXKD quý I năm 2025 và triển khai kế hoạch SXKD quý II năm 2025.</p>	100%

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
	(Họp HĐQT thường kỳ quý II)		<p>Điều 2. Thông qua Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của người lao động và người quản lý khác: 68.330.149.735 đồng.</p> <p>Điều 3. Đồng ý áp dụng Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước làm cơ sở để xây dựng kế hoạch tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2025 và trình ĐHCĐ thường niên năm 2025 thông qua.</p> <p>Điều 4. Hiệu chỉnh, bổ sung khung, bậc lương đối với nhóm chức danh Ban điều hành trong Phụ lục 1: Hệ thống khung mức tiền lương theo chức danh công việc của Quy chế về công tác tiền lương Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3, mã số: QCQLNB-QC-18 và có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 01/01/2025.</p> <p>Điều 5. Thông qua nội dung dự thảo các quyết định chuyên xếp lương đối với các thành viên của Ban điều hành.</p> <p>Điều 6. Bổ sung công tác sửa đổi Quy chế về công tác tiền lương vào Kế hoạch rà soát, hiệu chỉnh Quy chế quản lý nội bộ năm 2025 thuộc thẩm quyền HĐQT ban hành, hoàn thành và trình HĐQT thông qua trong kỳ họp HĐQT thường kỳ quý IV/2025. Công ty rà soát và hiệu chỉnh các quy chế quản lý nội bộ liên quan nhằm đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán, kịp thời trong các chính sách của Công ty.</p> <p>Điều 7. Thông qua chủ trương kiện toàn nhân sự các chức danh: Giám đốc Chi nhánh miền Trung và Chánh Văn phòng, nhân sự từ nguồn cán bộ trong quy hoạch chức danh tương ứng đã được HĐQT phê duyệt.</p> <p>Điều 8. Thông qua Quy định công bố và cung cấp thông tin của Công ty - mã số QCQLNB-QĐ-08, lần ban hành: 04, hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.</p> <p>Điều 9. Cho phép áp dụng mẫu hợp đồng tư vấn theo Mẫu số 6A - Hồ sơ mời thầu dịch</p>	

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
			<p>vụ tư vấn qua mạng của Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với Người có liên quan thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam kể từ ngày 01/01/2025.</p> <p>Điều 10. Thông qua chủ trương sắp xếp, tổ chức bộ máy của Công ty theo hướng tinh gọn, nâng cao năng lực, hiệu quả. Chi tiết thực hiện theo Đề án sắp xếp, tinh gọn, tổ chức bộ máy Công ty tại Tờ trình số 1382/TTr-TVĐ3 ngày 09/4/2025.</p> <p>Giao Công ty triển khai thực hiện các nội dung của Đề án đảm bảo theo các quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi NLD.</p>	
9	80/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT bất thường)	23/4/2025	<p>Điều 1. Thông qua chương trình và các tài liệu hợp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Giao Chủ tịch HĐQT ký ban hành các tờ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.</p> <p>Điều 2. Thông qua Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 - mã số QCQLNB-QC-25, lần ban hành: 04, hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành.</p>	100%
10	100/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản)	19/5/2025	<p>Điều 1. Đồng ý bổ nhiệm ông Bùi Quang Bảo - Phó Chánh Văn phòng - giữ chức vụ Chánh Văn phòng Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3, kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2025. Thời hạn bổ nhiệm là 04 năm.</p> <p>Giao Tổng giám đốc ký ban hành quyết định bổ nhiệm trên.</p>	100%
11	117/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý III)	04/7/2025	<p>Điều 1. Thống nhất tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc chấp thuận chủ trương đối với hợp đồng giữa Công ty và Người có liên quan của Công ty, là Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Người có liên quan của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ:</p>	100%

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
			<p>- Ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: 17/7/2025;</p> <p>- Tỷ lệ thực hiện: 1 CP - 1 quyền biểu quyết;</p> <p>- Thời gian thực hiện: hoàn thành trong quý III năm 2025;</p> <p>- Địa điểm: Trụ sở chính của Công ty.</p> <p>Giao Chủ tịch HĐQT căn cứ tình hình thực tế quyết định điều chỉnh ngày đăng ký cuối cùng (nếu cần thiết), thời gian thực hiện, chỉ đạo thực hiện các thủ tục liên quan, hoàn thiện các tài liệu dự thảo và trình HĐQT thông qua để gửi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p> <p>Điều 2. Chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền với các nội dung cụ thể như sau:</p> <p>1. Ngày đăng ký cuối cùng để hưởng cổ tức: 17/7/2025</p> <p>2. Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền: 5% (1 cổ phiếu nhận được 500 đồng)</p> <p>3. Thời gian thực hiện chi trả: 22/10/2025</p> <p>4. Địa điểm chi trả:</p> <p>a. Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các Thành viên lưu ký, nơi mở tài khoản lưu ký;</p> <p>b. Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 từ ngày 22 tháng 10 năm 2025 (vào các ngày làm việc trong tuần) và xuất trình GCN sở hữu cổ phần, căn cước công dân/căn cước (hoặc GUQ hợp pháp).</p>	
12	118/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý III)	04/7/2025	<p>Điều 1. Phê duyệt các hợp đồng Công ty đã ký với Người có liên quan trong quý II năm 2025 với số lượng 33 hợp đồng và tổng giá trị các hợp đồng là 134,3 tỷ đồng.</p> <p>Điều 2. Thông qua chủ trương Công ty sẽ ký các hợp đồng với Người có liên quan trong quý III năm 2025 với số lượng khoảng 10 hợp đồng và tổng giá trị các hợp đồng dự kiến là 105,2 tỷ đồng.</p>	100%

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua				
13	119/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý III)	04/7/2025	Điều 1. Ghi nhận kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2025 và triển khai kế hoạch SXKD quý III năm 2025. Điều 2. Thông qua Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giao Chủ tịch HĐQT ký Quy chế phối hợp.	100%				
14	134/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT bất thường)	24/7/2025	Điều 1. Thông qua các tài liệu để gửi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc chấp thuận hợp đồng giữa Công ty và Người có liên quan của Công ty là Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị thành viên của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.	100%				
15	135/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT bất thường)	24/7/2025	Điều 1. Phê duyệt phương án tái cấu trúc Công ty, nội dung và tiến độ theo Đề án sắp xếp, tổ chức lại bộ máy (hiệu chỉnh) của Tờ trình số 3458/TTr-TVĐ3 ngày 21/7/2025 của Công ty. Điều 2. Thông qua chủ trương để TGD thực hiện công tác cán bộ đảm bảo các nguyên tắc bố trí, sắp xếp cán bộ quản lý, người lao động theo Đề án sắp xếp, tổ chức lại bộ máy (hiệu chỉnh) của Tờ trình số 3458/TTr-TVĐ3 ngày 21/7/2025 của Công ty.	100%				
16	159/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản)	23/9/2025	Điều 1. Thông qua việc thay đổi mẫu con dấu của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 do thay đổi địa giới hành chính như sau: <table border="1" data-bbox="718 1496 1298 1702"> <thead> <tr> <th>Mẫu con dấu cũ</th> <th>Mẫu con dấu mới</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>- Thời điểm hiệu lực của con dấu mới: từ ngày 23 tháng 9 năm 2025. Điều 2. Giao TGD sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật và Công ty.</p>	Mẫu con dấu cũ	Mẫu con dấu mới			100%
Mẫu con dấu cũ	Mẫu con dấu mới							
								
17	172/NQ-HĐQT-TVĐ3	06/10/2025	Điều 1. Thông qua việc vay nợ, các khoản thế chấp, đảm bảo, bảo lãnh của Công ty gồm bảo lãnh tạm ứng và thực hiện hợp đồng, bảo lãnh quyết toán và bảo hành, bảo	100%				

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua															
	(Họp HĐQT thường kỳ quý IV)		lãnh dự thầu, bảo lãnh tiền giữ lại, các khoản vay ngắn hạn phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty và hợp đồng hạn mức tín dụng với giá trị từ 35% giá trị tổng tài sản trở lên được ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty phục vụ cho mục đích nêu trên; đồng thời ủy quyền cho Tổng giám đốc ký kết hợp đồng và các thủ tục liên quan. Thời hạn ủy quyền đến 31/12/2027 hoặc có văn bản khác thay thế.																
18	173/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý IV)	06/10/2025	Điều 1. Phê duyệt các hợp đồng Công ty đã ký với Người có liên quan trong quý III năm 2025 với số lượng 38 hợp đồng và tổng giá trị các hợp đồng là 170,7 tỷ đồng. Điều 2. Thông qua chủ trương Công ty sẽ ký các hợp đồng với Người có liên quan trong quý IV năm 2025 với số lượng khoảng 25 hợp đồng và tổng giá trị các hợp đồng dự kiến là 77 tỷ đồng.	100%															
19	174/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý IV)	06/10/2025	Điều 1. Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại đối với ông Trần Quốc Điền - Phó Tổng giám đốc Công ty - tiếp tục giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty. Giao Tổng giám đốc chỉ đạo triển khai thủ tục bổ nhiệm lại đối với ông Trần Quốc Điền theo quy định.	100%															
20	175/NQ-HĐQT-TVĐ3 (Họp HĐQT thường kỳ quý IV)	06/10/2025	Điều 1. Ghi nhận kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2025 và triển khai kế hoạch SXKD quý IV năm 2025. Điều 2. Thông qua điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025 như sau: Đơn vị tính: tỷ đồng	100%															
			<table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Kế hoạch năm</th> <th>Kế hoạch năm (điều chỉnh)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Doanh thu</td> <td>200,0</td> <td>280,0</td> </tr> <tr> <td>Chi phí chưa có lương</td> <td>113,3</td> <td>131,3</td> </tr> <tr> <td>Tổng quỹ tiền lương</td> <td>72,7</td> <td>132,7</td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận trước thuế</td> <td>14,0</td> <td>16,0</td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm	Kế hoạch năm (điều chỉnh)	Doanh thu	200,0	280,0	Chi phí chưa có lương	113,3	131,3	Tổng quỹ tiền lương	72,7	132,7	Lợi nhuận trước thuế	14,0	16,0	
Chỉ tiêu	Kế hoạch năm	Kế hoạch năm (điều chỉnh)																	
Doanh thu	200,0	280,0																	
Chi phí chưa có lương	113,3	131,3																	
Tổng quỹ tiền lương	72,7	132,7																	
Lợi nhuận trước thuế	14,0	16,0																	
			Công ty điều hành các chỉ tiêu doanh thu, chi phí (chưa có lương) và tổng quỹ tiền lương đồng bộ và linh hoạt theo kết quả sản xuất kinh doanh thực tế, đảm bảo lợi nhuận trước thuế tối thiểu là 16 tỷ đồng.																

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tỷ lệ thông qua
			<p>Điều 3. Phê duyệt điều chỉnh Danh mục kế hoạch mua sắm tài sản cố định phục vụ công tác sản xuất theo Tờ trình số 4719/TTr-TVĐ ngày 01/10/2025 của Công ty.</p> <p>Điều 4. Thông qua điều chỉnh Danh mục Hệ thống QCQLNB Công ty với nội dung điều chỉnh theo Tờ trình số 4565/TTr-TVĐ3 ngày 26/9/2025 của Công ty.</p> <p>Điều 5. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở Nhà điều hành sản xuất (Văn phòng làm việc, giai đoạn 1) Công ty theo Tờ trình số 4553/TTr-QLDA ngày 26/9/2025 và Tờ trình số 4657/TTr-QLDA ngày 02/10/2025 của Công ty.</p> <p>Giao Chủ tịch HĐQT ký quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở Nhà điều hành sản xuất (Văn phòng làm việc, giai đoạn 1) Công ty.</p>	

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Trong năm 2025, Thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm theo quy định, gắn với các nội dung hoạt động trọng yếu của HĐQT, cụ thể:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tích cực đóng góp ý kiến khách quan, thận trọng đối với các nội dung quan trọng như kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, tái cấu trúc tổ chức, quản trị tài chính.
- Tham gia thảo luận, phản biện và biểu quyết đối với các Nghị quyết liên quan đến chiến lược phát triển, phương án đầu tư, tài chính, tiền lương và kiện toàn bộ máy quản lý, góp phần nâng cao chất lượng các quyết định của HĐQT.
- Thực hiện vai trò giám sát thông qua việc xem xét các báo cáo định kỳ, chuyên đề và làm việc với Ban Tổng giám đốc; đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ và hoạt động tài chính.
- Đảm bảo tính độc lập, minh bạch trong quá trình tham gia quyết nghị; góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

1.5. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ông Lạc Thái Phước - Thành viên Hội đồng quản trị.
- Ông Trần Quốc Điền - Thành viên Hội đồng quản trị.
- Ông Trần Lê Minh - Thành viên Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Ngày miễn nhiệm	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TV3
1	Trương Thị Anh Đào	Trưởng Ban Kiểm soát	- Ngày bổ nhiệm: 24/6/2022	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	0,033%
2	Tô Thị Mỹ Hằng	Thành viên BKS	- Ngày bổ nhiệm: 27/6/2024	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	0%
3	Nguyễn Văn Thiện	Thành viên BKS	- Ngày bổ nhiệm: 24/6/2022	Cử nhân Kế toán	0,062%

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Kết quả hoạt động kiểm soát năm 2025:

TT	Họ và tên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Trương Thị Anh Đào	03/03	100%	100%	
2	Tô Thị Mỹ Hằng	03/03	100%	100%	
3	Nguyễn Văn Thiện	03/03	100%	100%	

- Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành: Năm 2025, cùng với các công tác thực hiện nhiệm vụ nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty phù hợp với điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các quy chế nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan, Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ chính:
 - + Thẩm tra BCTC năm 2024 và giám sát kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2024 (Biên bản phát hành tháng 3/2025 về việc thẩm tra báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất năm 2024).
 - + BKS đã tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên và báo cáo các hoạt động của BKS trong năm 2024 (Báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2025).
 - + Thẩm tra BCTC 6 tháng năm 2025 (Biên bản phát hành tháng 9/2025 về việc thẩm tra báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất 6 tháng năm 2025 của Công ty và Chi nhánh Công ty - Xí nghiệp Khảo sát & xây dựng điện).
- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:
 - + Trong năm 2025, BKS tham gia các cuộc họp của HĐQT và một số buổi họp của Ban điều hành về một số nội dung quan trọng như là Kết quả tình hình SXKD và tình hình tài chính năm 2024, công tác chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

- + BKS giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD thông qua các báo cáo kết quả hoạt động SXKD, báo cáo tài chính định kỳ; Các nghị quyết của ĐHĐCĐ; Các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các báo cáo tài chính định kỳ, cả năm 2025.
- + BKS thường xuyên trao đổi thông tin và tài liệu với Ban điều hành của Công ty trong công tác kiểm tra, giám sát. Ban kiểm soát đã nghiên cứu và đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty cũng như của BKS.
- Hoạt động khác của BKS:
 - + Theo dõi việc chấp hành các quy định đối với công ty niêm yết trên sàn chứng khoán về công bố thông tin.
 - + Ban kiểm soát đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các báo cáo về công tác kiểm soát theo quy định.
 - + Ban kiểm soát đã tham gia tập huấn nghiệp vụ kiểm soát và quy định mới.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Hội đồng quản trị:		
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	- Chủ tịch HĐQT:	964.800.000 đồng
Ông Lạc Thái Phước	- Thành viên HĐQT kiêm TGD:	916.560.000 đồng
Ông Trần Quốc Điền	- Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD:	870.732.000 đồng
Ông Trần Lê Minh	- Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD:	870.732.000 đồng
Ông Võ Văn Phương	- Thành viên HĐQT:	156.000.000 đồng
- Ban Tổng giám đốc:		
Ông Nguyễn Công Thắng	- Phó Tổng giám đốc:	827.195.400 đồng
- Ban kiểm soát:		
Bà Trương Thị Anh Đào	- Trưởng Ban kiểm soát:	808.800.000 đồng
Bà Tô Thị Mỹ Hằng	- Thành viên BKS:	156.000.000 đồng
Ông Nguyễn Văn Thiện	- Thành viên BKS:	588.091.472 đồng

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

TT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Công ty TNHH VP INVEST	Cổ đông có CP lớn hơn 10%	1.050.925	11,04	1.827.348	19,20	Tăng tỷ lệ đầu tư
2	Bà Bùi Thị Kim Yên	Vợ TV.HĐQT, P.TGD Trần Quốc Điền	780.000	8,20	1.051.400	11,05	Tăng tỷ lệ đầu tư

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: xem Phụ lục đính kèm.

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã áp dụng quản trị theo Điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp năm 2020: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc. Mô hình quản trị này là phù hợp với đặc thù và thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến của Kiểm toán viên

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Xem Báo cáo tài chính đính kèm.

Ghi chú: Toàn bộ báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán được đăng trên địa chỉ Website: www.pecc3.com.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2026

**XÁC NHẬN CỦA
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



Lạc Thái Phước

Phụ lục. Hợp đồng, giao dịch với người nội bộ (bao gồm thông tin về các hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên)

ĐVT: tỷ đồng

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch		
					Nội dung	Số lượng	Tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Thủy điện Trị An	NCLQ của Công ty	Quý IV	07/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 19/01/2026	HĐTV: Quan trắc chuyển dịch đúng và ngang chu kỳ 2025 công trình thủy điện	1	1,4
2	Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát	NCLQ của Công ty	Quý II	118/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/7/2025	HĐTV: TT hồ sơ kiểm định an toàn đập hồ chứa nước DA thủy điện	1	0,1
			Quý IV	07/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 19/01/2026	HĐTV: Quan trắc chuyển dịch công trình thủy điện	1	0,1
3	Công ty Phát triển Thủy điện Sê San	NCLQ của Công ty	Quý III	173/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 06/10/2025	HĐTV: Tư vấn giám sát lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh, KS, BC KTKT dự án thủy điện	2	0,2
4	Công ty Thủy điện Sông Tranh	NCLQ của Công ty	Quý IV	07/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 19/01/2026	HĐTV: TT BCNCKT dự án nguồn điện	1	0,04
5	Ban QLDA điện 2	NCLQ của Công ty	Quý I	50/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 10/4/2025	HĐTV: BCNCKT, ĐTM dự án NMNĐ	1	15,0
			Quý III	173/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 06/10/2025	HĐTV: Lập HSMT, đánh giá HSDT, TT TKKT, TKBVTC, hỗ trợ TT hợp đồng, TVGS, hỗ trợ QL hợp đồng dự án nhiệt điện	1	32,3



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch		
					Nội dung	Số lượng	Tổng giá trị giao dịch
6	Ban QLDA điện 3	NCLQ của Công ty	Quý II	118/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/7/2025	HĐTV: TT TKBVTC dự án thủy điện	1	0,3
7	Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	NCLQ của Công ty	Quý I	50/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 10/4/2025	HĐTV: TKXD, TKBVTC, HSMT, KS, MT, đo vẽ địa chính dự án lưới điện	1	12,8
			Quý II	118/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/7/2025	HĐTV: KS, TKKT, BVTC, GSMT, BIM, BCCN dự án LD	1	35,8
			Quý III	173/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 06/10/2025	HĐTV: KS, TKKT, TT BVTC-DT, HSMT, thỏa thuận, an toàn thông tin, đo vẽ bàn giao phục vụ thu hồi đất, bàn giao đất các dự án lưới điện	3	35,2
8	Ban QLDA các công trình điện miền Trung	NCLQ của Công ty	Quý II	118/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/7/2025	HĐTV: KS, BCNCKT các dự án lưới điện	2	8,5
			Quý III	173/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 06/10/2025	HĐTV: KS, HS xin chủ trương chuyển MĐSD rừng và HS chuyển MĐSD rừng sang mục đích để thực hiện các dự án lưới điện	2	0,6
			Quý IV	07/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 19/01/2026	HĐTV: TT BCNCKT, HS chủ trương đầu tư các dự án lưới điện	2	1,1
9	Ban QLDA các công trình điện miền Nam	NCLQ của Công ty	Quý I	50/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 10/4/2025	HĐTV: KS, TKKT-TDT, TKBVTC, HSMT, Thỏa thuận, An toàn thông tin, Giấy phép MT, ĐTM, CTĐT các dự án lưới điện	4	32,9



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch		
					Nội dung	Số lượng	Tổng giá trị giao dịch
			Quý II	118/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/7/2025	HĐTV: KS, TKKT-TDT, TKBVTC, HSMT, Thỏa thuận, An toàn thông tin, Giấy phép MT, ĐTM, CTĐT các dự án lưới điện	10	75,3
			Quý III	173/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 06/10/2025	HĐTV: KS, TKKT-TDT, BVTC, HSMT, BIM, an toàn thông tin, ĐTM, lập HS CTĐT các dự án lưới điện	5	56,4
			Quý IV	07/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 19/01/2026	HĐTV: KS, TKKT, TK BVTC, HSMT, HS thỏa thuận, BIM, an toàn thông tin, HS đăng ký môi trường, kiểm kê hiện trạng rừng, HS CTĐT các dự án lưới điện	11	27,5
10	Công ty Truyền tải điện 1	NCLQ của Công ty	Quý IV	07/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 19/01/2026	HĐTV: KS, BCNCKT, TK BVTC, HSMT, HS thỏa thuận các dự án lưới điện	2	7,4
11	Công ty Truyền tải điện 2	NCLQ của Công ty	Quý II	118/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/7/2025	HĐTV: KS, BCNCKT, TKBVTC, HSMT dự án lưới điện	1	3,0
12	Công ty Truyền tải điện 3	NCLQ của Công ty	Quý II	118/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/7/2025	HĐTV: KS, BCNCKT, TKBVTC, HSMT, ĐKMT dự án lưới điện	1	0,6
			Quý IV	07/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 19/01/2026	HĐTV: KS, TK BVTC, HSMT, HS thỏa thuận, TT BCNCKT, TT TKXD sau TKCS các dự án lưới điện	3	4,0



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch		
					Nội dung	Số lượng	Tổng giá trị giao dịch
13	Công ty Truyền tải điện 4	NCLQ của Công ty	Quý III	173/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 06/10/2025	HĐTV: KS, BCNCKT, TKKT, BVTC các dự án lưới điện	2	3,8
			Quý IV	07/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 19/01/2026	HĐTV: KS, BCNCKT, TK BVTC, HSMT, SCADA các dự án lưới điện	2	6,2
14	Ban QLDA Truyền tải điện	NCLQ của Công ty	Quý II	118/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/7/2025	HĐTV: KS dự án lưới điện	1	0,5
			Quý III	173/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 06/10/2025	HĐTV: Lập CTĐT, TT BCNCKT, TT BVTC các dự án lưới điện	3	4,9
			Quý IV	07/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 19/01/2026	HĐTV: KS, TKCS, TK BVTC, HSMT dự án lưới điện	1	17,6
15	Công ty Điện lực Bà Rịa - Vũng Tàu	NCLQ của Công ty	Quý II	118/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/7/2025	HĐTV: TT các dự án đầu tư lưới điện	1	0,2
16	Ban QLDA Lưới điện Miền Nam	NCLQ của Công ty	Quý II	118/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/7/2025	HĐTV: HS chấp thuận CTĐT các dự án lưới điện	2	0,2
			Quý III	173/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 06/10/2025	HĐTV: Thẩm duyệt ĐTM dự án lưới điện	2	0,2
			Quý IV	07/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 19/01/2026	HĐTV: Đo vẽ giải thửa, lập HS phục vụ bồi thường GPMB dự án lưới điện	1	0,3
17	Ban QLDA Điện lực miền Nam	NCLQ của Công ty	Quý I	50/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 10/4/2025	HĐTV: BVTC, HSMT, CTĐT, đo vẽ địa chính các dự án công trình lưới điện	4	0,6



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch		
					Nội dung	Số lượng	Tổng giá trị giao dịch
			Quý II	118/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/7/2025	HĐTV: KS, BCNCKT, BVTC, HSMT, CTĐT, đo vẽ địa chính các dự án lưới điện	6	7,5
			Quý III	173/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 06/10/2025	HĐTV: Lập HS chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án lưới điện	1	0,2
			Quý IV	07/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 19/01/2026	HĐTV: KS, BCNCKT, HS chủ trương đầu tư dự án lưới điện	1	0,3
18	Ban QLDA Nhiệt điện 3	NCLQ của Công ty	Quý I	50/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 10/4/2025	HĐTV: KS, lập và trình duyệt BCNCKT dự án NMNĐ	1	0,5
			Quý II	118/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/7/2025	HĐTV: BCNCKT điều chỉnh dự án nhiệt điện	1	1,0
			Quý III	173/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 06/10/2025	HĐTV: KS, BCNCKT, TT TKKT, HSMT, đánh giá HSDT và hỗ trợ thương thảo gói thầu các dự án nhiệt điện	4	6,3
			Quý IV	07/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 19/01/2026	HĐTV: TT BCNCKT dự án nhiệt điện	1	0,2
19	Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	NCLQ của Công ty	Quý IV	07/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 19/01/2026	HĐTV: KS, BCNCKT, TKKT, TK BVTC dự án lưới điện	1	16,6
20	Tổng Công ty phát điện 2	NCLQ của Công ty	Quý II	118/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/7/2025	HĐTV: HSDT gói EPC, TT TKKT - TKBVTC dự án NĐ	1	20,3
21	Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK	NCLQ của Công ty	Quý I	50/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 10/4/2025	HĐTV: Đo đạc QT biến dạng và đánh giá ổn định các hạng mục	1	0,7



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch		
					Nội dung	Số lượng	Tổng giá trị giao dịch
					công trình CK9 DA NMTĐ		
			Quý III	173/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 06/10/2025	HĐTV: Kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước nhà máy thủy điện	1	1,7
22	Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	NCLQ của Công ty	Quý II	118/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/7/2025	HĐTV: Điều chỉnh công suất, tính toán lại sản lượng điện, HSMT gói EPC các dự án NLTT	2	0,4
23	Tổng Công ty phát điện 3	NCLQ của Công ty	Quý I	50/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 10/4/2025	HĐTV: KS, CTĐT các dự án NMTĐ	2	0,9
			Quý II	118/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/7/2025	HĐTV: KS, cập nhật HS BSQH điện lực đầu nối các dự án NLTT	2	0,4
			Quý III	173/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 06/10/2025	HĐTV: KS, BCNCKT, BC KTKT các dự án nguồn điện	4	0,8
			Quý IV	07/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 19/01/2026	HĐTV: TT BCNCKT, ĐTM các dự án nguồn điện	3	7,9
24	Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	NCLQ của Công ty	Quý IV	07/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 19/01/2026	HĐTV: Tư vấn giám sát lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh, KS, BC KTKT dự án thủy điện	1	3,1
25	Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	NCLQ của Công ty	Quý IV	07/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 19/01/2026	HĐTV: BCNCKT dự án nhiệt điện	1	0,7
26	Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	NCLQ của Công ty	Quý I	50/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 10/4/2025	HĐTV: BC KT-KT dự án NMNĐ	1	0,4
			Quý III	173/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 06/10/2025	HĐTV: BC KTKT dự án nhiệt điện	1	0,4



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch		
					Nội dung	Số lượng	Tổng giá trị giao dịch
27	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	NCLQ của Công ty	Quý I	50/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 10/4/2025	HĐTV: BCNCKT dự án NLTT	1	0,5
			Quý II	118/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/7/2025	HĐTV: BC KTKT dự án NLTT	1	0,4
			Quý III	173/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 06/10/2025	HĐTV: TK BVTC dự án nguồn điện	1	0,5
28	Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	NCLQ của Công ty	Quý I	50/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 10/4/2025	HĐTV: Lập phương án kỹ thuật dự án NMTĐ	1	0,4
			Quý III	173/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 06/10/2025	HĐTV: Lập HSMT, đánh giá HSĐT các dự án thủy điện; tính toán giá trị giới hạn cho phép, đánh giá tình trạng tổ máy NMTĐ	4	14,0
			Quý IV	07/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 19/01/2026	HĐTV: KS, Lập PAKT, HS thiết kế và dự toán các dự án thủy điện	2	0,7
29	Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	NCLQ của Công ty	Quý II	118/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/7/2025	HĐTV: Đánh giá tình trạng của máy phát H1 và H2, QT chuyển vị CK năm 2025 NMTĐ	1	3,0
			Quý III	173/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 06/10/2025	HĐTV: QT chuyển vị chu kỳ năm 2025 dự án thủy điện	1	5,6



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch		
					Nội dung	Số lượng	Tổng giá trị giao dịch
			Quý IV	07/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 19/01/2026	HĐTV: KS điều tra vết lũ phía hạ du đập, KS quan trắc đo chuyên vị ngang và đứng; Đánh giá an toàn đập, hồ chứa; Lắp đặt ống, BC KTKT, tính toán xác định vẽ đường bảo hòa các nhà máy thủy điện	3	2,9
30	Công ty CP Thủy điện miền Trung	NCLQ của Công ty	Quý III	173/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 06/10/2025	HĐTV: Kiểm định an toàn đập dự án thủy điện	1	0,2
31	Công ty CP Thủy điện sông Ba Hạ	NCLQ của Công ty	Quý I	50/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 10/4/2025	HĐTV: BC KTKT dự án thủy điện	1	1,5
			Quý II	118/NQ-HĐQT-TVĐ3, ngày 04/7/2025	HĐTV: KS, lập CTĐT, sử dụng hiệu quả nguồn nước dự án thủy điện	1	0,4
Tổng cộng						130	485,3

Ghi chú: Các hợp đồng trên được ký theo mẫu hợp đồng dịch vụ tư vấn, ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 hoặc Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Chủ tịch
Ông Lạc Thái Phước	Thành viên
Ông Trần Quốc Điền	Thành viên
Ông Trần Lê Minh	Thành viên
Ông Võ Văn Phương	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lạc Thái Phước	Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Điền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên
Bà Tô Thị Mỹ Hằng	Thành viên

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lạc Thái Phước - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lạc Thái Phước
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2026

Số: 046 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (gọi chung là “Báo cáo tài chính tổng hợp”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 34, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp về các khoản Nợ tiềm tàng của Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Ngọc Thạch
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2026

Lê Bình Phương
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 5914-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		175.993.011.357	153.531.070.963
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	24.456.232.360	38.941.438.605
1. Tiền	111		15.916.232.360	38.941.438.605
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.540.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	220.790.000	220.790.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		220.790.000	220.790.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105.940.677.181	75.993.606.777
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	127.648.851.805	93.246.108.463
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.549.217.721	5.997.404.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	11.500.815.809	9.271.447.616
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(36.758.208.154)	(32.521.353.302)
IV. Hàng tồn kho	140	10	44.222.481.774	36.644.472.446
1. Hàng tồn kho	141		44.222.481.774	36.644.472.446
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.152.830.042	1.730.763.135
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.152.796.190	1.034.230.882
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	679.086.399
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	33.852	17.445.854
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		113.754.234.956	112.132.228.569
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		40.781.607.187	44.385.393.998
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	40.148.607.187	39.784.897.118
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	633.000.000	4.600.496.880
II. Tài sản cố định	220		13.245.953.475	12.589.844.510
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	5.497.772.652	4.534.550.927
- Nguyên giá	222		53.727.401.586	56.062.330.320
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.229.628.934)	(51.527.779.393)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	7.748.180.823	8.055.293.583
- Nguyên giá	228		21.284.885.526	21.284.885.526
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.536.704.703)	(13.229.591.943)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.039.522.963	1.371.972.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	4.039.522.963	1.371.972.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	53.150.000.000	53.150.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		53.150.000.000	53.150.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.537.151.331	635.018.061
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.537.151.331	635.018.061
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		289.747.246.313	265.663.299.532

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		124.311.760.574	110.945.577.994
I. Nợ ngắn hạn	310		124.311.760.574	110.945.577.994
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	13.505.769.129	15.358.347.515
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	33.586.695.393	29.084.508.672
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	4.004.664.753	3.169.075.355
4. Phải trả người lao động	314		48.944.282.600	20.229.493.940
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	6.055.209.027	305.842.352
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	10.993.286.605	12.891.722.240
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	1.652.600.000	23.437.501.253
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.569.253.067	6.469.086.667
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		165.435.485.739	154.717.721.538
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	165.435.485.739	154.717.721.538
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		95.173.030.000	95.173.030.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.173.030.000	95.173.030.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(140.000)	(140.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		39.056.000.000	35.530.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.206.595.739	24.014.831.538
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		14.257.187.038	12.261.204.487
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		16.949.408.701	11.753.627.051
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		289.747.246.313	265.663.299.532



Lạc Thái Phước
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2026

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		315.440.416.886	185.085.686.110
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		55.625.412	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	315.384.791.474	185.085.686.110
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	229.420.941.962	133.064.363.995
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		85.963.849.512	52.021.322.115
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	14.271.948.909	11.321.324.671
7. Chi phí tài chính	22	28	2.562.862.517	1.905.412.428
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		853.477.559	832.865.078
8. Chi phí bán hàng	25	29	21.387.750.882	9.665.228.337
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	56.343.098.235	38.367.537.246
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		19.942.086.787	13.404.468.775
11. Thu nhập khác	31		580.117.005	836.456.147
12. Chi phí khác	32		575.255.565	1.209.898.057
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.861.440	(373.441.910)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19.946.948.227	13.031.026.865
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	2.997.539.526	1.277.399.814
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		16.949.408.701	11.753.627.051
Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.603	1.080



Lạc Thái Phước
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2026

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	19.946.948.227	13.031.026.865
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.252.897.248	2.920.831.780
- Các khoản dự phòng	03	(4.236.854.852)	(454.446.760)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(316.640.534)	(401.143.558)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.601.811.116)	(10.884.982.146)
- Chi phí lãi vay	06	853.477.559	832.865.078
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.898.016.532	5.044.151.259
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(21.593.826.101)	26.762.153.286
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(7.578.009.328)	3.271.699.144
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	35.243.800.599	(23.595.622.859)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.020.698.578)	433.374.213
- Tiền lãi vay đã trả	14	(853.477.559)	(832.865.078)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.680.438.218)	(2.471.073.008)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.372.833.600)	(767.626.440)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.042.533.747	7.844.190.517
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(4.870.210.250)	(1.127.908.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	293.750.169	90.909.091
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.306.922.058	10.813.731.388
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.730.461.977	9.776.732.479
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	24.021.063.107	38.432.876.221
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(45.805.964.360)	(36.081.834.749)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.717.179.900)	(7.202.000.725)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(26.502.081.153)	(4.850.959.253)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(14.729.085.429)	12.769.963.743
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	38.941.438.605	26.229.294.323
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	243.879.184	(57.819.461)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	24.456.232.360	38.941.438.605



Lạc Thái Phước
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2026


Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng


Nguyễn Trần Phương Thủy
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3 theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301475102 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 16 ngày 26 tháng 8 năm 2025.

Vốn điều lệ của Công ty là: 95.173.030.000 VND, chia thành 9.517.303 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Ngày 01 tháng 12 năm 2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TV3.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 384 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 393 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng. Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính. Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy - nhiệt điện - nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt), dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập tổng dự toán công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện - nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông). Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình. Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp. Giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp. Tư vấn quản lý dự án. Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra thiết kế công trình. Tư vấn lập hồ sơ: Đề án giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình đường bộ. Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu - đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện: Công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Chi nhánh miền Trung	Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dừa, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát, thiết kế

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

Hướng dẫn kế toán mới đã ban hành nhưng chưa áp dụng

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban điều hành Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Giao dịch nội bộ và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Đầu tư tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính, thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí phần mềm: Chi phí phần mềm được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Bên liên quan

Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Công ty TNHH VP INVEST
Bà Bùi Thị Kim Yển
Các Công ty con, Công ty liên kết, đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị thành viên
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, và Kế toán trưởng

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Bên liên quan của cổ đông lớn
Quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa
Thành phố Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	342.088.197	283.247.563
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.574.144.163	38.658.191.042
Các khoản tương đương tiền	8.540.000.000	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (i)</i>	<i>8.540.000.000</i>	<i>-</i>
Cộng	<u>24.456.232.360</u>	<u>38.941.438.605</u>

(i) Đây là khoản tiền gửi tại các Ngân hàng:

- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Lào với kỳ hạn 03 tháng và lãi suất 8,6%/năm;
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với kỳ hạn 01 tháng và lãi suất 3,6%/năm.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Chứng khoán kinh doanh	220.790.000	1.580.018.400	-	220.790.000	1.798.872.300	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung (i)	220.790.000	1.580.018.400	-	220.790.000	1.798.872.300	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	53.150.000.000	8.284.500.000	-	53.150.000.000	6.867.000.000	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (ii)	3.150.000.000	8.284.500.000	-	3.150.000.000	6.867.000.000	-
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình (iii)	50.000.000.000	(*)	-	50.000.000.000	(*)	-
Cộng	<u>53.370.790.000</u>	<u>9.864.518.400</u>	-	<u>53.370.790.000</u>	<u>8.665.872.300</u>	-

Ghi chú:

- (i) Khoản đầu tư vào cổ phiếu được niêm yết trên sàn HOSE với số lượng 53.379 cổ phiếu. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.
- (ii) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với số lượng cổ phiếu sở hữu là 315.000 cổ phiếu, tỷ lệ góp là 0,86% tổng Vốn điều lệ. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn UPCOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.
- (iii) Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có Vốn điều lệ là 500.000.000.000 VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 10% tổng Vốn điều lệ.
- (*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, một số khoản đầu tư vào đơn vị mà chưa niêm yết, hiện chưa có thông tin hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết, nên Công ty chưa có cơ sở trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3Số 32, Ngô Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa
Thành phố Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	127.648.851.805	93.246.108.463
a1) Bên liên quan	96.393.357.105	65.782.278.496
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	19.437.236.964	19.480.106.739
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	18.311.117.101	1.617.962.882
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	10.707.000.371	9.184.521.171
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	10.085.972.647	4.570.560.000
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	7.270.348.090	1.741.229.404
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	5.495.145.092	8.168.211.293
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	4.805.512.830	5.869.701.424
Bên liên quan khác	20.281.024.010	15.149.985.583
a2) Đối tượng khác	31.255.494.700	27.463.829.967
Nam Neun 1 Hydropower Sole Co., Ltd	16.131.051.294	9.387.893.403
Công ty TNHH Điện lực Hiệp Phước	7.038.527.272	9.038.527.272
Khác	8.085.916.134	9.037.409.292
b) Dài hạn	40.148.607.187	39.784.897.118
b1) Bên liên quan	26.024.457.800	28.175.916.269
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	8.071.547.943	11.794.918.214
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	3.798.884.485	4.019.287.139
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	4.812.560.257	1.510.132.352
Ban QLDA Truyền tải điện (NPTPNB)	694.210.649	2.681.857.442
Bên liên quan khác	8.647.254.466	8.169.721.122
b2) Đối tượng khác	14.124.149.387	11.608.980.849
Khác	14.124.149.387	11.608.980.849
Cộng	167.797.458.992	133.031.005.581

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Công nghệ ITEKO	862.045.454	862.045.454	-	-
Công ty TNHH Công nghệ Trắc địa Bản Đồ 24H	662.000.000	662.000.000	662.000.000	662.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1	-	-	2.100.000.000	2.100.000.000
Công ty CP XD TM Bình	-	-	1.286.000.000	1.286.000.000
Khác	2.025.172.267	2.025.172.267	1.949.404.000	1.949.404.000
Cộng	3.549.217.721	3.549.217.721	5.997.404.000	5.997.404.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***8. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	11.500.815.809	9.271.447.616
Tạm ứng cho nhân viên	10.579.358.524	7.190.635.180
Khác	921.457.285	2.080.812.436
b) Dài hạn	633.000.000	4.600.496.880
Ký quỹ, ký cược	633.000.000	4.600.496.880
Cộng	12.133.815.809	13.871.944.496

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Bên liên quan	25.461.624.837	210.209.488	(25.251.415.349)	21.733.804.690	871.462.248	(20.862.342.442)
Ban Quản lý Dự án Thủy điện sông Bung 2	19.437.236.964	-	(19.437.236.964)	19.419.132.164	-	(19.419.132.164)
Bên liên quan khác	6.024.387.873	210.209.488	(5.814.178.385)	2.314.672.526	871.462.248	(1.443.210.278)
b) Các đối tượng khác	11.642.465.665	135.672.860	(11.506.792.805)	15.568.493.219	3.909.482.359	(11.659.010.860)
Công ty TNHH Điện lực Hiệp Phước	7.038.527.272	-	(7.038.527.272)	9.038.527.272	1.672.058.182	(7.366.469.090)
Khác	4.603.938.393	135.672.860	(4.468.265.533)	6.529.965.947	2.237.424.177	(4.292.541.770)
Cộng	37.104.090.502	345.882.348	(36.758.208.154)	37.302.297.909	4.780.944.607	(32.521.353.302)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI (TIẾP THEO)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Số đầu năm	32.521.353.302	30.321.126.434
Trích lập dự phòng trong năm	4.236.854.852	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	602.319.000
Số cuối năm	36.758.208.154	32.521.353.302

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	80.580.449	-	99.502.944	-
Công cụ, dụng cụ	980.066	-	3.738.164	-
Chi phí SXKD dở dang	44.140.921.259	-	36.541.231.338	-
Cộng	44.222.481.774	-	36.644.472.446	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.152.796.190	1.034.230.882
Công cụ dụng cụ xuất dùng	464.031.969	58.007.800
Chi phí phần mềm	688.764.221	976.223.082
b) Dài hạn	2.537.151.331	635.018.061
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.176.698.850	600.361.496
Chi phí phần mềm	360.452.481	34.656.565
Cộng	3.689.947.521	1.669.248.943

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	13.196.031.024	17.047.274.909	16.955.207.828	8.863.816.559	56.062.330.320
- Mua trong năm	-	653.521.667	1.985.484.546	270.000.000	2.909.006.213
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.239.774.499)	(1.901.624.068)	(102.536.380)	(5.243.934.947)
Số dư cuối năm	13.196.031.024	14.461.022.077	17.039.068.306	9.031.280.179	53.727.401.586
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	10.514.816.729	16.268.191.405	16.270.232.500	8.474.538.759	51.527.779.393
- Khấu hao trong năm	838.279.810	582.690.770	215.548.117	309.265.791	1.945.784.488
- Thanh lý nhượng bán	-	(3.239.774.499)	(1.901.624.068)	(102.536.380)	(5.243.934.947)
Số dư cuối năm	11.353.096.539	13.611.107.676	14.584.156.549	8.681.268.170	48.229.628.934
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	2.681.214.295	779.083.504	684.975.328	389.277.800	4.534.550.927
Tại ngày cuối năm	1.842.934.485	849.914.401	2.454.911.757	350.012.009	5.497.772.652

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 36.178.719.146 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 28.578.784.394 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	10.257.146.572	11.027.738.954	21.284.885.526
Số dư cuối năm	10.257.146.572	11.027.738.954	21.284.885.526
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	2.379.179.157	10.850.412.786	13.229.591.943
- Khấu hao trong năm	172.446.096	134.666.664	307.112.760
Số dư cuối năm	2.551.625.253	10.985.079.450	13.536.704.703
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	7.877.967.415	177.326.168	8.055.293.583
Tại ngày cuối năm	7.705.521.319	42.659.504	7.748.180.823

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 10.623.738.954 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 10.623.738.954 VND).

Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất tại Quận 2 (nay là Phường Cát Lát, Thành phố Hồ Chí Minh) - Thửa đất số 143 với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.395.480.035 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.475.775.455 VND) nhằm đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 20).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là các chi phí liên quan đến Dự án đầu tư xây dựng Nhà điều hành sản xuất Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Bên liên quan	1.376.516.732	1.376.516.732	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	1.376.516.732	1.376.516.732	-	-
b) Đối tượng khác	12.129.252.397	12.129.252.397	15.358.347.515	15.358.347.515
Công ty CP KBC Việt Nam	1.247.478.871	1.247.478.871	2.782.102.838	2.782.102.838
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây lắp điện Số Năm	946.770.498	946.770.498	4.348.842.746	4.348.842.746
Công ty TNHH TVTK Xây dựng An Bình 68	200.636.754	200.636.754	1.606.367.548	1.606.367.548
GE Power India Limited	-	-	2.307.255.300	2.307.255.300
Khác	9.734.366.274	9.734.366.274	4.313.779.083	4.313.779.083
Cộng	13.505.769.129	13.505.769.129	15.358.347.515	15.358.347.515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Bên liên quan	29.582.471.249	20.673.008.177
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	8.629.838.042	2.988.128.405
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam	5.092.899.235	5.675.664.235
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	4.217.390.771	4.393.478.562
Bên liên quan khác	11.642.343.201	7.615.736.975
b) Đối tượng khác	4.004.224.144	8.411.500.495
Khác	4.004.224.144	8.411.500.495
Cộng	33.586.695.393	29.084.508.672

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỢP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp/ thu trong năm</u>	<u>Số đã nộp/ thu trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	17.412.002	17.412.002	-	-
Các loại thuế, phí khác	33.852	-	-	33.852
Cộng	17.445.854	17.412.002	-	33.852
b) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.323.343.322	10.921.314.850	10.052.665.712	3.191.992.460
Thuế thu nhập doanh nghiệp	462.867.490	2.997.539.526	2.680.438.218	779.968.798
Thuế thu nhập cá nhân	382.606.267	3.326.180.433	3.676.083.205	32.703.495
Các loại thuế, phí khác	258.276	411.694.412	411.952.688	-
Cộng	3.169.075.355	17.656.729.221	16.821.139.823	4.004.664.753

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình	6.055.209.027	305.842.352
Cộng	6.055.209.027	305.842.352

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa
Thành phố Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	709.067.746	736.342.360
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	70.872.737	75.732.485
Phải trả cổ tức cho cổ đông	924.311.375	882.846.775
Phải trả về khoản tạm thu thuế TNCN	3.828.532.259	1.173.357.826
Chi phí công trình phải trả	3.993.863.144	6.100.213.281
Khác	1.466.639.344	3.923.229.513
Cộng	<u>10.993.286.605</u>	<u>12.891.722.240</u>

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	16.188.778.225	16.188.778.225	24.021.063.107	(38.557.241.332)	1.652.600.000	1.652.600.000
Công đoàn Công ty	3.000.000.000	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	-	-
Cán bộ công nhân viên	4.248.723.028	4.248.723.028	-	(4.248.723.028)	-	-
Cộng	<u>23.437.501.253</u>	<u>23.437.501.253</u>	<u>24.021.063.107</u>	<u>(45.805.964.360)</u>	<u>1.652.600.000</u>	<u>1.652.600.000</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh nhằm mục đích bổ sung Vốn lưu động, lãi suất vay là 6,3%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất tại Quận 2 (nay là Phường Cát Lát, Thành phố Hồ Chí Minh) - Thửa đất số 143.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	95.173.030.000	(140.000)	31.082.000.000	23.173.848.987	149.428.738.987
- Lãi trong năm	-	-	-	11.753.627.051	11.753.627.051
- Chia lợi nhuận	-	-	-	(4.758.644.500)	(4.758.644.500)
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Ban Điều hành	-	-	-	(1.706.000.000)	(1.706.000.000)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	4.448.000.000	(4.448.000.000)	-
Số dư đầu năm nay	95.173.030.000	(140.000)	35.530.000.000	24.014.831.538	154.717.721.538
- Lãi trong năm	-	-	-	16.949.408.701	16.949.408.701
- Chia lợi nhuận (i)	-	-	-	(4.758.644.500)	(4.758.644.500)
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Ban Điều hành (i)	-	-	-	(1.473.000.000)	(1.473.000.000)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	3.526.000.000	(3.526.000.000)	-
Số dư cuối năm nay	95.173.030.000	(140.000)	39.056.000.000	31.206.595.739	165.435.485.739

(i) Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông năm 2025 số 91/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 24 tháng 4 năm 2025 đã quyết định:

- Phân phối lợi nhuận năm 2024 là 4.758.644.500 VND;
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành là 1.473.000.000 VND;
- Trích Quỹ đầu tư phát triển là 3.526.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu		Cổ phiếu	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.517.303		9.517.303	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.517.303		9.517.303	
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.517.303		9.517.303	
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	14		14	
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14		14	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.517.289		9.517.289	
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.517.289		9.517.289	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000		10.000	

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	46.427.040.000	48,78%	46.427.040.000	48,78%
Công ty TNHH VP INVEST	17.156.480.000	18,03%	10.509.250.000	11,04%
Bà Bùi Thị Kim Yến	10.470.000.000	11,00%	7.800.000.000	8,20%
Cổ đông khác	21.119.370.000	22,19%	30.436.600.000	31,98%
Cổ phiếu quỹ	140.000	0,00%	140.000	0,00%
Tổng cộng	95.173.030.000	100,00%	95.173.030.000	100,00%

Trong năm, Công ty đã thanh toán cổ tức các năm trước cho cổ đông với giá trị là 4.717.179.900 VND (năm trước là 7.202.000.725 VND).

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Đô la Mỹ (USD)	40.774,87		309.615,24	
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	473,46		1.242,60	
Kíp Lào (LAK)	3.618.266.543,00		5.114.307.886,00	

23. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh tư vấn khảo sát thiết kế chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là tư vấn khảo sát thiết kế trong một khu vực địa lý, vì vậy, không trình bày thêm thông tin bộ phận.

24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay		Năm trước	
	VND		VND	
Doanh thu khảo sát, tư vấn, thiết kế	315.440.416.886		185.085.686.110	
Cộng	315.440.416.886		185.085.686.110	
Các khoản giảm trừ doanh thu	55.625.412		-	
Giảm giá dịch vụ	55.625.412		-	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	315.384.791.474		185.085.686.110	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

24. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (TIẾP THEO)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<i>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan</i>	233.621.678.506	117.241.119.397
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	88.815.123.939	24.768.897.494
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	69.994.123.327	6.693.215.643
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	4.489.285.425	39.585.278.878
Bên liên quan khác	70.323.145.815	46.193.727.382

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ khảo sát, tư vấn, thiết kế	229.420.941.962	133.064.363.995
Cộng	229.420.941.962	133.064.363.995

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.238.115.924	909.533.911
Chi phí nhân công	151.852.939.358	81.168.551.631
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.252.897.248	2.920.831.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.607.849.504	59.874.461.064
Chi phí khác	96.562.824.114	32.486.400.525
Cộng	310.514.626.148	177.359.778.911

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	501.627.147	125.125.555
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.806.433.800	10.668.947.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	963.877.242	527.251.616
Các khoản khác	10.720	-
Cộng	14.271.948.909	11.321.324.671

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	853.477.559	832.865.078
Chi phí bảo lãnh	1.110.294.034	1.072.547.350
Lỗ chênh lệch tỷ giá	583.816.538	-
Các khoản khác	15.274.386	-
Cộng	2.562.862.517	1.905.412.428

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	417.331.930	437.753.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.856.716.447	2.622.001.314
Các khoản chi phí khác	17.113.702.505	6.605.473.723
Cộng	<u>21.387.750.882</u>	<u>9.665.228.337</u>
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	21.339.707.158	14.207.658.969
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.450.101.909	1.690.556.058
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	4.236.854.852	454.446.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.751.529.710	12.125.233.096
Các khoản chi phí khác	16.564.904.606	9.889.642.363
Cộng	<u>56.343.098.235</u>	<u>38.367.537.246</u>

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.946.948.227	13.031.026.865
Điều chỉnh tăng cho thu nhập chịu thuế	521.359.007	1.255.706.713
Thù lao HĐQT không chuyên trách	120.000.000	71.760.000
Tiền phạt vi phạm hành chính về thuế	215.449	497.248.314
Xử lý công nợ	-	641.443.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục	401.143.558	45.255.399
Tiền và Phải thu cuối năm trước		
Điều chỉnh giảm cho thu nhập chịu thuế	(13.148.058.003)	(11.070.091.058)
Lợi nhuận, cổ tức được chia	(12.806.433.800)	(10.668.947.500)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục	(341.624.203)	(401.143.558)
Tiền và Phải thu cuối năm nay		
Thu nhập chịu thuế	<u>7.320.249.231</u>	<u>3.216.642.520</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>1.464.049.846</u>	<u>643.328.504</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước nộp bổ sung	-	634.071.310
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp tại Lào	1.820.193.377	-
Thuế TNDN tạm khấu trừ với Thuế đã nộp tại Lào	(286.703.697)	-
Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>2.997.539.526</u>	<u>1.277.399.814</u>

- (i) Công ty xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam liên quan công trình thủy điện Nậm Neun 1 là 286.703.697 VND được bù trừ với thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp tại Lào.
- (ii) Trong đó, nghĩa vụ thuế phát sinh tại Việt Nam là 1.177.346.149 VND, nghĩa vụ thuế phát sinh tại Lào là 1.820.193.377 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	16.949.408.701	11.753.627.051
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	1.694.940.870	1.473.000.000
Lợi nhuận để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.254.467.831	10.280.627.051
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.517.289	9.517.289
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.603	1.080
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

- (i) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông năm 2025 số 91/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 24 tháng 4 năm 2025, Công ty đã trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Ban Điều hành từ lợi nhuận năm 2024 với giá trị 1.473.000.000 VND. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2024 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. (Lãi cơ bản trên cổ phiếu trước khi trình bày lại là 1.111 VND/Cổ phiếu).

Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là số tạm tính dựa trên 10% Lợi nhuận sau thuế năm 2025 được căn cứ theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông năm 2025 số 91/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 24 tháng 4 năm 2025.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	1.652.600.000	23.437.501.253
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(24.456.232.360)	(38.941.438.605)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	165.435.485.739	154.717.721.538
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.456.232.360	24.456.232.360	38.941.438.605	38.941.438.605
Phải thu khách hàng và phải thu khác	168.708.916.277	168.708.916.277	135.101.818.017	135.101.818.017
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.790.000	1.580.018.400	220.790.000	1.798.872.300
Các khoản ký quỹ	643.000.000	643.000.000	4.610.496.880	4.610.496.880
Tổng cộng	194.028.938.637	195.388.167.037	178.874.543.502	180.452.625.802
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	1.652.600.000	1.652.600.000	23.437.501.253	23.437.501.253
Phải trả người bán và phải trả khác	23.719.115.251	23.719.115.251	27.437.994.910	27.437.994.910
Chi phí phải trả	6.055.209.027	6.055.209.027	305.842.352	305.842.352
Tổng cộng	31.426.924.278	31.426.924.278	51.181.338.515	51.181.338.515

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.456.232.360	-	-	24.456.232.360
Phải thu khách hàng và phải thu khác	128.560.309.090	40.148.607.187	-	168.708.916.277
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.790.000	-	-	220.790.000
Các khoản ký quỹ	10.000.000	633.000.000	-	643.000.000
Tổng cộng	153.247.331.450	40.781.607.187	-	194.028.938.637
Số cuối năm				
Các khoản vay	1.652.600.000	-	-	1.652.600.000
Phải trả người bán và phải trả khác	23.719.115.251	-	-	23.719.115.251
Chi phí phải trả	6.055.209.027	-	-	6.055.209.027
Tổng cộng	31.426.924.278	-	-	31.426.924.278
Chênh lệch thanh khoản thuần	121.820.407.172	40.781.607.187	-	162.602.014.359
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.941.438.605	-	-	38.941.438.605
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.316.920.899	39.784.897.118	-	135.101.818.017
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.790.000	-	-	220.790.000
Các khoản ký quỹ	10.000.000	4.600.496.880	-	4.610.496.880
Tổng cộng	134.489.149.504	44.385.393.998	-	178.874.543.502
Số đầu năm				
Các khoản vay	23.437.501.253	-	-	23.437.501.253
Phải trả người bán và phải trả khác	27.437.994.910	-	-	27.437.994.910
Chi phí phải trả	305.842.352	-	-	305.842.352
Tổng cộng	51.181.338.515	-	-	51.181.338.515
Chênh lệch thanh khoản thuần	83.307.810.989	44.385.393.998	-	127.693.204.987

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan tại các Thuyết minh số 6, 9, 15, 16, 21 và 24; Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi trả cổ tức		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.321.352.000	2.321.352.000
Cộng	<u><u>2.321.352.000</u></u>	<u><u>2.321.352.000</u></u>

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng trong năm:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị		<u>3.778.824.000</u>	<u>1.651.200.000</u>
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Chủ tịch	964.800.000	429.960.000
Ông Lạc Thái Phước	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	916.560.000	414.360.000
Ông Trần Quốc Điền	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	870.732.000	367.560.000
Ông Trần Lê Minh	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	870.732.000	367.560.000
Ông Võ Văn Phương	Thành viên độc lập	156.000.000	71.760.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		<u>827.195.400</u>	<u>564.070.640</u>
Ông Nguyễn Công Thắng	Phó Tổng Giám đốc	827.195.400	564.070.640
Thu nhập của Ban Kiểm soát		<u>1.552.891.472</u>	<u>652.066.163</u>
Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng Ban Kiểm soát	808.800.000	166.793.000
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Thành viên	-	35.880.000
Bà Tô Thị Mỹ Hằng	Thành viên	156.000.000	35.880.000
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên	588.091.472	413.513.163
Kế toán trưởng		<u>827.195.400</u>	<u>542.378.971</u>
Ông Phạm Hoàng Vinh	Kế toán trưởng	827.195.400	542.378.971
Cộng		<u><u>6.986.106.272</u></u>	<u><u>3.409.715.774</u></u>

34. NỢ TIỀM TÀNG

- Vụ tranh chấp về “Hợp đồng bảo hiểm”:

Trong năm 2020, các Công ty bảo hiểm (bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không) đã nộp hồ sơ khởi kiện tại Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh yêu cầu các nhà thầu tư vấn có liên quan đến sự cố tại hầm dẫn dòng công trình Thủy điện Sông Bung 2 năm 2016 (bao gồm Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2) phải liên đới bồi hoàn số tiền 6.516.225.000 VND cho các Công ty Bảo hiểm nêu trên, trong đơn khởi kiện không nêu rõ số tiền bồi hoàn của từng nhà thầu tư vấn. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 22 tháng 9 năm 2020 nêu rõ sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm tư vấn thiết kế của Công ty, do đó Công ty không phải chịu trách nhiệm bồi hoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

34. NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

Vào tháng 6 năm 2021, Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh có thông báo về việc thụ lý vụ án bổ sung số 49A/TB-TA ngày 28 tháng 6 năm 2021, trong đó điều chỉnh số tiền yêu cầu các Nhà thầu tư vấn phải liên đới bồi hoàn từ 6.516.225.000 VND thành 14.871.605.885 VND. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 16 tháng 12 năm 2021 trong đó tiếp tục khẳng định quan điểm sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm của tư vấn thiết kế KHIDI và PECC3, do vậy PECC3 không phải chịu trách nhiệm đối với một sản phẩm không phải là sản phẩm thiết kế của mình, nên không phải liên đới bồi thường thiệt hại mà Nguyên đơn yêu cầu. Ngoài ra, trong văn bản này Công ty đề nghị Tòa án trung cầu giám định bộ hồ sơ thiết kế hầm dẫn dòng của PECC3 và KHIDI để xác định lỗi cụ thể của PECC3 (nếu có).

Ngày 02 tháng 11 năm 2022, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh (KHIDI) cũng đã có bản giải trình gửi Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh, trong đó KHIDI đề nghị Tòa án xem xét lại thời hiệu khởi kiện và bác bỏ các yêu cầu không có cơ sở pháp lý của Nguyên đơn.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, Công ty đã nhận được Thông báo số 2517/2024/QĐ-TCGD của Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc trung cầu Công ty Cổ phần Liên Doanh Tư Vấn và Xây Dựng -COFEC thực hiện giám định hồ sơ thiết kế có đảm bảo an toàn chịu lực hay không và xác định lỗi của đơn vị tư vấn (nếu có).

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, đơn vị giám định tư pháp là Công ty Cổ phần Liên doanh Tư vấn và Xây dựng - COFEC đã có Kết luận Giám định tư pháp số 07/2024/CV-COFEC theo yêu cầu Quyết định trung cầu giám định số 2517/2024/QĐ-TCGD ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Kết luận giám định kết luận hồ sơ thiết kế hạng mục công trình của dự án đảm bảo tính pháp lý, tuân thủ các quy định của pháp luật và đáp ứng theo yêu cầu của Chủ đầu tư và hồ sơ thiết kế kỹ thuật và bản vẽ thi công kết cấu cửa hầm dẫn dòng Thủy điện Sông Bung 2 đảm bảo an toàn chịu lực theo yêu cầu.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024, Công ty gửi đến Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh văn bản ý kiến về Kết luận giám định, tại văn bản, Công ty tái khẳng định không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của nguyên đơn bởi vì Kết luận giám định đã nêu rõ là hồ sơ thiết kế của Công ty đảm bảo tính pháp lý, tuân thủ quy định pháp luật và hồ sơ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công kết cấu cửa hầm dẫn dòng Thủy điện Sông Bung 2 đảm bảo an toàn chịu lực theo yêu cầu.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025, Công ty nhận được Quyết định số 3481/2025/QĐXXST-KDTM của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc đưa vụ án ra xét xử vào ngày 28 tháng 7 năm 2025.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, Công ty nhận được Quyết định số 13186/2025/QĐST-KDTM của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ, thời gian tiếp tục phiên tòa vào ngày 13 tháng 8 năm 2025.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, Công ty nhận được bản án xét xử sơ thẩm số 296/2025/KDTM-ST do Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh ban hành. Theo đó, Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các Công ty bảo hiểm (bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không) về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 cùng liên đới chịu trách nhiệm bồi hoàn số tiền 14.871.605.885 VND. Đồng thời, các Công ty bảo hiểm phải hoàn lại chi phí giám định mà Công ty đã tạm ứng với giá trị 232.997.000 VND.

Sau thời điểm nhận được Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 296/2025/KDTM-ST do Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh ban hành ngày 10 tháng 9 năm 2025 đến nay Công ty chưa nhận được thêm văn bản nào khác từ Tòa án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

34. NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

- Vụ tranh chấp về “Bồi thường thiệt hại ngoài Hợp đồng”:

Trong năm 2022, Công ty cũng nhận được Thông báo số 39/2022/TLBS của Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện trong đó Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP kiện PECC3 và Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô liên đới bồi thường giá trị còn lại của các thiết bị, xe máy tại thời điểm cuốn trôi trong sự cố vỡ hầm dẫn dòng công trình Thủy điện Sông Bung 2 với số tiền là 6.595.720.000 VND. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh bản ý kiến vào ngày 26 tháng 7 năm 2022 đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và loại bỏ trách nhiệm của Công ty đối với đền bù thiệt hại. Bản tự khai nêu rõ sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm của tư vấn thiết kế KHIDI và Công ty, do vậy Công ty không phải chịu trách nhiệm đối với một sản phẩm không phải là sản phẩm thiết kế của mình, nên không phải liên đới bồi thường thiệt hại mà Nguyên đơn yêu cầu. Ngoài ra, Công ty cũng đề nghị Tòa án trung cầu giám định bộ hồ sơ thiết kế hầm dẫn dòng của Công ty và KHIDI để xác định lỗi cụ thể của Công ty (nếu có).

Trong năm 2023, Công ty đã nhận được Thông báo số 1837/2023/QĐST-DS của Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh ngày 19 tháng 9 năm 2023 về việc chuyển hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1745/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh đến Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh ban hành Văn bản số 5726/TATP-TLĐ gửi tới Bộ Công thương về việc cung cấp thông tin và tài liệu liên quan việc bồi thường thiệt hại trong sự cố vỡ hầm dẫn dòng công trình thủy điện Sông Bung 2.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, Bộ Công thương ban hành Văn bản số 69/ĐL-TĐ về việc cung cấp thông tin và tài liệu phúc đáp Văn bản số 5726/TATP-TLĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh triệu tập các đương sự có mặt tại trụ sở Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh để công khai Đơn khởi kiện sửa đổi (lần 4) của Nguyên đơn với nội dung xác định lại tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và đề nghị Tòa án trung cầu định giá đối với các tài sản mà nguyên đơn bị thiệt hại, cụ thể: Bị đơn gồm: Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3, Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2 và Viện nghiên cứu khảo sát thiết kế Côn Minh; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện, Bộ Công thương.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, Công ty nhận được Thông báo số 23047/2025/TB-TA của Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 08 tháng 01 năm 2026.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Biên bản hòa giải không được do các đương sự không thống nhất được các nội dung tranh chấp.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, vụ án tranh chấp về “Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” chưa được hòa giải và xét xử. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp này chưa bao gồm những ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến kết quả vụ kiện nêu trên.

35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Văn phòng Công ty thuê trụ sở tại Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh để làm trụ sở làm việc theo Phụ lục Hợp đồng thuê nhà số 286/PLHĐ-QLKDN-KD ngày 19 tháng 12 năm 2024 với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP. Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê là 01 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 với đơn giá thuê đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 568.500.000 VND/tháng, tiền thuê được trả hàng quý.

Chi phí thuê trụ sở làm việc được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuê trụ sở làm việc	6.822.000.000	6.822.000.000
Cộng	6.822.000.000	6.822.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm bao gồm 1.138.889 VND là số tiền lãi năm trước đã thu được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 924.311.375 VND là số cổ tức phải trả phát sinh trong năm nay chưa thanh toán, nhưng đã bao gồm 882.846.775 VND là số cổ tức phải trả phát sinh trong năm trước được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong năm bao gồm 110.268.000 VND (năm 2024 là 368.064.000 VND) là số tiền trả trước cho nhà cung cấp để mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.



Lạc Thái Phước
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2026

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu